

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 371, NĂM THỨ 30

NGÀY 1 THÁNG 6-2025



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TĨNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Tu là để chuyển nghiệp</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Pháp Cú: 416 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	10
<u>Đôi nét về các hình thức sân khấu ...</u>	Theo KTDLVN	11
<u>Lửa trong Phật thất! Lửa trong Phật thất!</u>	Bảo Quốc Kiểm	13
<u>Thơ</u>	Tuệ Nga	23
<u>Trau đôi hành xả</u>	Đức Đạt Lai Lạt Ma - Tuệ Uyển dịch	24
<u>Hư Hư Lục: Hoa vương</u>	Thích Nữ Như Thủy	30

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Tu là để chuyển nghiệp

Danh từ TU thông thường là tu tâm sửa tánh. Tu tâm là gì ? Là giữ cho tâm mình không nghĩ đến chuyện hại người, làm khổ người khác, như vậy là gây nghiệp ác cho mình.

Đã tạo nghiệp rồi thì không phải để để mà xóa nghiệp. Nghiệp thiện thì sẽ có quả thiện, còn nghiệp ác thì cũng sẽ có quả ác đến với người tạo ra nó. Người tu sơ cơ thì tạo nghiệp lành để mong có quả lành được hưởng, nhưng người tu cao hơn, nghiệp ác chẳng làm mà nghiệp lành cũng không muốn tạo ra để hưởng chúng, bởi vì như thế sẽ vướng mãi trong luân hồi để nhận nghiệp quả của mình.

Tu ở trình độ hiểu biết thấp là để tạo quả báo tốt lành, nhưng người tu cao hơn thì tu là để giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, khỏi vướng vào nghiệp quả như vậy mới mong được giải thoát.

Con người ta hiểu lầm na là khởi thủy ở trong một khối hỗn độn, luân chuyển không ngừng, những chi bị trọng trượt, lần lượt bị đẩy ra ngoài và sau cùng bị đẩy văng ra khỏi cái khối ấy rồi hình thành đất, nước, gió, lửa, từ từ hình thành đá, cỏ, cây, muôn thú và con người, con người là tiến trình chuyển hóa từ trọng trượt đến tinh anh.

Đến con người phải biết tu tập, gột bỏ những thứ trọng trượt để trở nên tinh anh để tiến hóa thành thánh, thần, tiên, Phật, trở về với nguyên sinh.

Kiếp con người, nếu chúng ta chỉ biết hưởng thụ những xa hoa vật chất, thì con người sẽ ở trong luân hồi, có tội phải trở lại làm người để trả quả, hoặc sau khi chết xuống địa ngục để chịu những hình phạt ở cõi âm.

Cho nên được tiến hóa đến kiếp con người, chúng ta có những nhận thức trên cảm thú, thì chúng ta cần phải tu tập để tiến hóa hơn. Ai cũng biết nghiệp chúng ta gây ra bởi tư tưởng, lời nói và hành động. Tư tưởng của ta thì người khác không thấy, nhưng hành động và lời nói thì người khác thấy và nghe được, tức là chúng tạo ra chứng tích.

Người xưa có quan niệm một đời người là 60 năm, nhưng ngày nay tuổi thọ được nâng cao có thể là 70 hay 80, tuy vậy nó cũng không phải lâu dài.

Cho nên chúng ta cần phải tu. Phải tu tâm sửa tánh ngay kéo trễ.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyển ngữ

Bài 54

Ngũ Phật và Sambhogakaya

Sambhogakaya (*Báo thân, Thụ dụng thân hay Thân hình tướng của Đức Phật*) được hình dung dưới nhiều thể dạng khác nhau. Năm thể dạng chủ yếu nhất được gọi là *Năm Jina* hay *Năm vị chiến thắng* (chữ *jina* có nghĩa là *vị chiến thắng hay vinh quang / the conqueror, the victor*). Xin lưu ý chiến thắng ở đây không có nghĩa là chiến thắng một kẻ thù hay một sức mạnh bên ngoài, mà là sự chiến thắng u mê - còn gọi là vô minh - trong tâm thức mình, khi giới giúp mình chiến thắng sự u mê hay vô minh đó là trí tuệ), hoặc đơn giản hơn cũng có thể gọi năm thể dạng đó là *Năm Vị Phật* (kinh sách Hán ngữ gọi là *Ngũ Phật, Ngũ Trí Phật, Ngũ Trí Như Lai, v.v.*). Như chúng ta thường thấy năm thể dạng đó là năm thể dạng hay năm khía cạnh trí tuệ của *Tâm thức Giác ngộ*. Thật hết sức quan trọng phải luôn ghi nhớ là năm thể dạng đó không là để biểu trưng cho Đức Phật ở thể dạng con người, có nghĩa là mang tính cách lịch sử, mà đúng hơn đây chỉ là năm khía cạnh khác nhau của thân xác vinh quang của Đức Phật dưới hình thức các khuôn mẫu (archetypal), hiện hữu trong lãnh vực khuôn mẫu, giữ vị trí trung gian giữa sự sinh hoạt bình dị của chúng ta và Hiện thực tuyệt đối (độc giả có thể xem thêm về khái niệm này trong bài 43 chương VI, mang tựa "prajna hay năm thể dạng trí tuệ").

Vairocana hay Vị Phật Chiếu Sáng

Jina (*vị chiến thắng*) thứ nhất là Vairocana, có nghĩa là "Vị Chiếu Sáng" (*Đại Nhật Như Lai hay Tỳ Lô Giá Na Như Lai, nguyên nghĩa của chữ vairocana trong tiếng Phạn là "sinh ra từ mặt trời"*). Như chúng ta đã thấy, vị này đôi khi cũng được gọi là "Vị Phật Mặt Trời To Lớn", chiếu sáng toàn thể vũ trụ tâm linh, tương tự như mặt trời chiếu sáng toàn thể thái dương hệ. Vị này có thân hình màu trắng rạng rỡ, cử chỉ nơi hai bàn tay của vị này gọi là *mudra* (*ấn, thủ ấn, pháp ấn hay mẫu-đà-la*), biểu trưng cho việc thuyết giảng, và đặc biệt trong trường hợp này là để nói lên *dharma cakrapravartana* (kinh *Chuyển Pháp luân*) hay sự khởi động bánh xe Dharma. Vị này cầm trong hai tay một chiếc bánh xe bằng vàng gồm tám nan hoa, thật rõ ràng chiếc bánh xe biểu trưng cho mặt trời, và như chúng ta thường thấy chiếc bánh xe đó đồng thời cũng biểu trưng cho Giáo huấn của Đức Phật. Trong trường hợp vị Vairocana được biểu trưng trong một mandala (mạn-đà-la) - có nghĩa là một "vòng tròn" gồm các hình ảnh mang tính cách khuôn mẫu nói lên một ý nghĩa nào đó - thì vị này thường được đặt vào vị trí trung tâm của vòng tròn đó (*khi trông thấy một vị Phật được trình bày trong trung tâm của một mạn-đà-la thì đây là vị Vairocana, Vị chiếu sáng khắp vũ trụ, một vị Phật khuôn mẫu, không phải là Đức Phật Gotama / Cồ-đàm*).

Tượng Phật Thích-ca Mâu-ni trong tư thế hoa-sen và thủ ấn dharmachakra-mudra, khoảng năm 475 (triều đại Gupta), sa thạch,

chiều cao 1.6m, Bảo tàng viện Sarnath (hình Internet).

(Pho tượng được tìm thấy tại Sarnath (Lộc Uyển), một thánh địa của Phật giáo tại tiểu bang Uttar Pradesh, nơi này cũng là nơi Đức Phật thuyết giảng lần đầu tiên, Sarnath cách thị trấn Varanasi (Ba-la-nại) khoảng 10km. Vào tháng ba năm 1997, người viết các dòng này may mắn được đứng yên lặng trước pho tượng này để chiêm ngưỡng và thâm lặng suy tư. Pho tượng là một thanh niên còn trẻ đã tìm đến nơi này, tại khu rừng Sarnath này, để khởi động chiếc Bánh xe của sự Hiểu biết siêu việt mà mình vừa thực hiện được, hầu cùng chia sẻ với năm người bạn đồng tu với mình trước đây. Chiếc Bánh xe đó vẫn còn lăn đều cho đến ngày nay. Bàn tay phải của pho tượng để ngửa hướng lên phía trên, bàn tay trái úp vào bên trong, đầu ngón tay cái và đầu ngón tay trỏ của hai bàn tay chạm vào nhau tạo thành thành hai vòng tròn liên kết với nhau, nói lên sự chuyển động của bánh xe Hiểu biết gọi là Dharmachakra. Pho tượng được đặt trên một chiếc bệ thấp, hai gan bàn chân, hai đầu gối, và cả hai cánh tay bóng loáng và đen đúa vì tay người sờ mó. Điều đó quả đáng tiếc và đáng trách, thế nhưng qua một góc nhìn khác thì hình bóng của người thanh niên đó vẫn còn bên cạnh chúng ta hôm nay. Màu của bức hình của pho tượng cũng không trung thực vì đã được "cố ý" (?) chuyển thành màu vàng, trên thực tế thì màu đá sa thạch dùng để tạc pho tượng là màu xám xanh. Bảo tàng viện bé tí xíu, vắng vẻ, không biết ngày nay có khác hơn hay không? Điểm đáng lưu ý sau cùng là pho tượng trên đây biểu trưng cho Đức Phật lịch sử Thích-ca Mâu-ni khi mới đạt được Giác ngộ, trong khi đó vị Phật Vairocana nêu lên trong bài giảng trên đây chỉ đơn giản là một vị Phật mang tính cách "khuôn mẫu", biểu

trưng cho một thể dạng, một phẩm tính của Đức Phật lịch sử)

Akshobhya hay Vị Phật Không Nao Núng

Jina thứ hai là Akshobhya hay "Vị Không Nao Núng" (A Súc Bệ Như Lai), vị này có thân hình màu xanh dương đậm, sâu thẳm và rạng rỡ, tương tự như màu trời giữa đêm khuya, hoặc bầu trời trong một đêm trong trẻo tại các xứ nhiệt đới. Mudra (thủ ấn) nơi tay phải được gọi là *bhumisparsha*, có nghĩa là chạm vào Địa cầu, (*bhumi* có nghĩa là mặt đất hay địa cầu, *sparsha* có nghĩa là chạm vào), đó là cách nói lên sự chứng giám của Địa cầu. Biểu hiệu của vị này là *vajra* (là tiếng Phạn có nghĩa là kim cương, tiếng Tây Tạng là *dorje*) là một cái chùy kim cương, biểu trưng cho sức mạnh và một quyền lực vững chắc, không hề lay chuyển. *Vajra* (cái chùy kim cương) biểu trưng cho trí tuệ đập vỡ sự u mê (vô minh), phá tan mọi sai lầm và ảo giác (chữ *vajra* cũng có nghĩa là tiếng sét). Vị trí của vị Akshobhya thuộc phương Đông.

Chùy kim cương

biểu trưng cho tiếng sét hay sự rắn chắc

Ratnasambhava hay Vị Phật Sinh Ra Từ Một Viên Bảo Châu

Jina thứ ba là Ratnasambhava, là "Vị Sinh Ra Từ Một Viên Bảo Châu" ("Bảo Sanh Như Lai"), hay "Cội nguồn của viên Bảo Châu". Vị này có thân hình màu vàng rờn, mudra (thủ ấn) nơi tay phải gọi là *varada*, biểu trưng cho sự hiển dâng (nguyên nghĩa của chữ *varada* là "hiển dâng một cái gì đó tốt đẹp nhất" hay "thực hiện lời nguyện ước của một người nào đó"), đặc biệt hơn cả là hiển dâng Dharma (Đạo

Pháp / Giáo huấn của Đức Phật). Biểu hiệu của sự hiển dương này là một viên Bảo châu (viên ngọc). Vị trí của vị Ratnasambhava thuộc phương Nam.

Amitabha hay Vị Phật Ánh Sáng Vô Tận

Jina thứ tư là Amitabha, là "Vị Ánh Sáng Vô Tận" ("Vô Lượng Quang Như Lai" tức là Phật A-di-đà). Vị Amitabha có một vẻ đẹp thật sâu xa, thân hình màu đỏ rạng rỡ, tương tự như mặt trời lúc hoàng hôn. Mudra (thủ ấn) nơi hai bàn tay biểu trưng cho phép hành thiền : bàn tay này đặt lên bàn tay kia (*thông thường trong khi ngồi thiền thì bàn tay trái để ngửa nằm bên dưới, bàn tay phải đặt lên trên trong lòng bàn tay trái, hai đầu ngón cái của hai bàn tay chạm vào nhau*). Biểu hiệu của vị Amitaba là một đóa hoa sen, biểu trưng cho sự nảy nở tâm linh. Vị trí của vị này thuộc phương Tây.

Amoghasiddhi hay Vị Thành Công Chắc Chắn

Sau hết là Jina thứ năm là Amoghasiddhi hay "Vị Chắc Chắn Thành Công" (Bất Không Thành Tựu Như Lai). Vị Amoghasiddhi có thân mình màu xanh lá cây thật đậm, mudra (thủ ấn) nơi tay phải biểu trưng cho sự bình lặng (*thẳng bằng, thanh thản, không xao xuyến, không sợ hãi*). Biểu hiệu của vị này là hai dorje (*dorje là tiếng Tây Tạng có nghĩa là kim cương, đã được nói đến trên đây*), gồm hai chiếc chùy kim cương bắt chéo vào nhau (*tạo thành một hình chữ thập*). Vị trí của vị Amoghasiddhi thuộc phương Bắc.

Hình mạn-đà-la biểu trưng cho Năm Vị Phật

(Trong trường hợp của mạn-đà-la trên đây

thì vị Phật Amitaba (màu đỏ) được đặt vào phương Bắc, vị Phật Amoghasiddhi (màu xanh lá cây) vào phương Đông, vị Phật Akshobhya (màu xanh dương đậm) vào phương Nam, vị Phật Ratnasambhava (màu vàng ròng) vào phương Tây, trong khi đó vị Phật chiếu sáng Vairocana thì luôn luôn được đặt vào giữa. Tất cả các vị này không phải là các vị Phật lịch sử mà chỉ là các biểu hiệu nói lên các phẩm tính hay các thể dạng khuôn mẫu của Đức Phật lịch sử)

Trên đây là năm thể dạng chủ yếu nhất của Sambhogakaya (*Thân hình tướng / Báo thân*) ; Ngoài ra Sambhogakaya cũng còn được biểu trưng bởi hàng trăm thể dạng khác nữa (*xin nhắc lại Sambhogakaya là Thân xác hình tướng, tức thân xác cùng thụ hưởng và cùng chia sẻ sự Giác ngộ*), tất cả đều là các hình thức khuôn mẫu, hiện hữu ở một cấp bậc thật cao, làm trung gian giữa tri thức bình dị của chúng ta và Hiện thực tối hậu và tuyệt đối. Vì vậy, tất cả các thể dạng [khuôn mẫu đó] đều vượt lên trên các kích thước thời gian và cả các sự cảm nhận thông thường của chúng ta (*có nghĩa là các thể dạng mang tính cách khuôn mẫu của Sambhogakaya vượt lên trên khung cảnh lịch sử và cả các sự cảm nhận quy ước và công thức của chúng ta về thời gian và không gian. Đây là lý do cho thấy tại sao các kinh sách hậu Đức Phật - tức là xuất hiện sau khi Đức Phật đã nhập diệt - vẫn được Đại thừa xem là do chính Đức Phật thuyết giảng. Các vị Phật và các vị Bồ-tát nêu lên trong các kinh sách Đại thừa đó không phải là các thể dạng "cụ thể" mà chỉ là các thể dạng "khuôn mẫu" (archetypal) của Sambhogakaya / Báo thân*). Trong một số trường hợp chúng ta cũng có thể hòa nhập và thật sự tiếp cận với thế giới khuôn mẫu đó của Sambhogakaya, chẳng hạn như nhờ vào phép thiền định sâu xa (*phép thiền định*

quán tưởng hay quán thấy của Phật giáo Tây Tạng), hoặc các khuôn mẫu hiện lên trong các giấc mơ (chẳng hạn như mơ thấy mình đang hiện hữu trong một khung cảnh huyền diệu, hoặc trông thấy chư Phật hay các vị Bồ-tát...), hoặc nhờ vào các sự cảm nhận thẩm mỹ (esthetic) mang tính cách quán thấy (visionary) (chẳng hạn như ngắm nhìn các ảnh tượng nghệ thuật và cảm nhận được vẻ đẹp thiêng liêng và huyền diệu toát ra từ các tác phẩm đó).

Theo tôi thì các vị bồ-tát khuôn mẫu (Quán Thế Âm, Dược sư, Địa tạng, Di lặc...) là các thể dạng Dharmakaya (Pháp Thân, Thân Đạo Pháp), tuy nhiên cũng có thể xem các vị ấy là các vị bồ-tát ở thể dạng Sambhogakaya (Báo thân hay Thụ dụng thân). Chúng ta không thể nhận biết được sự khác biệt giữa hai thể giới hình tướng (các hóa thân) và phi-hình-tướng (các khuôn mẫu). Từ bên trong con người của họ - nếu có thể nói như vậy - thì các vị bồ-tát khuôn mẫu ấy và Dharmakaya (Pháp thân) là một thứ, thể nhưng đồng thời họ vẫn tiếp tục hiện lộ dưới thể dạng Sambhogakaya ((họ là Dharmakaya từ "bên trong" chính hờn, thể nhưng họ hiện ra "bên ngoài" qua các thể dạng Sambhogakaya / Báo thân, Thụ dụng thân). [Tóm lại] họ vừa là Dhamakaya nhưng cũng vừa là Sambhogakaya, tương tự như chính Đức Phật : lúc còn tại thế Ngài vừa là Dharmakaya, Sambhogakaya và cả Nirmanakaya (Tam thân của Đức Phật). Các vị bồ-tát ở cấp bậc Dharmakaya, có nghĩa là đã thực hiện được cho mình thể dạng Dharmakaya, thể nhưng - qua một cách nói nào đó - thì họ vẫn còn tiếp tục giữ lại cho mình một thể dạng Sambhogakaya nào đó. Khi họ bắt đầu tạo được cho mình một thể tính (identity / bản sắc, cá tính) vững chắc xác nhận mình là một vị bồ-tát [đích thật], thì họ sẽ thuộc vào cảnh giới

Sambhogakaya (Thụ dụng thân), thể nhưng trong trường hợp khi họ đã thực hiện được cấp bậc Dharmakaya (Pháp Thân) và hiện hiện ở thể dạng này, thì không phải vì thế mà họ sẽ không còn tách ra khỏi cảnh giới Dharmakaya của họ nữa (mà họ sẽ vẫn còn giữ nguyên có thể hiển hiện trở lại dưới thể dạng Sambhogakaya trước đó của họ). Trong trường hợp một vị bồ-tát, ngoài thể dạng thuộc cấp bậc Sambhogakaya (Báo thân) [mà mình đã thực hiện được] vẫn có thể chọn cho mình (tạo ra cho mình) thể dạng Nirmanakaya (Ứng thân, Biến hóa thân), và [trong trường hợp này] thì vị ấy sẽ trở thành một vị bồ-tát hoá thân (hiển hiện dưới thể dạng con người / embodied / incarnate body / incarné), người Tây Tạng gọi vị bồ-tát hóa thân này là Tulku (có nghĩa là vị hóa thân hay biến hóa thân của một vị lama / Lạt-ma tiền nhiệm, thuộc một dòng truyền thừa nào đó. Chữ tulku - tiếng Tây Tạng là sprul sku - là một thuật ngữ bắt nguồn từ chữ nirmanakaya / thân biến hóa trong tiếng Phạn). Nếu vị bồ-tát ấy đúng thật là một vị tulku với đầy đủ ý nghĩa của thuật ngữ này, thì vị ấy cũng sẽ vẫn còn giữ được bên trong con người của mình ít nhất một phần nào đó các cảm nhận ở cấp bậc Sambhogakaya và cả cấp bậc Dharmakaya (vị hóa thân - tulku, ngoài thể dạng Nirmanakaya / Hóa thân của vị tiền nhiệm, vẫn còn tiếp tục giữ được ít nhất một phần nào đó các thể dạng Sambhogakaya / Báo thân và Dharmakaya / Pháp thân của vị ấy. Chẳng hạn như trường hợp Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ XIV vừa là hóa thân của vị Bồ-tát Avalokitesvara / Quán Thế Âm vừa là hiện thân của cả ba thể dạng Dharmakaya, Sambhogakaya và Nirmanakaya của vị ấy qua hình tướng của một con người mang tên là Tenzin Gyatso. Nói một cách khác thì Ngài là một vị Phật sống, hiện ra ở thể dạng Nirmanakaya trong thế giới chúng ta, thể

nhưng ngoài thể dạng Nirmanakaya đó, Ngài vẫn giữ được bên trong chính mình các phẩm tính Sambhogakaya và cả Dharmakaya của vị Bồ-tát Quán Thế Âm, một thể dạng lý tưởng mang tính cách khuôn mẫu của một vị Phật).

Dharmakaya hay Thân Sự Thật

Chữ Dharmakaya (Pháp Thân) như chúng ta đã thấy thường được dịch là "*Thân Sự Thật*", thế nhưng đúng ra thì phải dịch là "*Thể dạng của Hiện thực tuyệt đối*". Dharmakaya biểu trưng cho Phật tính bên trong con người của mình, và thật ra thì cũng là vị Phật bên trong chính mình. Vì thế Dharmakaya không hẳn biểu trưng cho Đức Phật ở thể dạng con người, cũng không phải là Đức Phật dưới một hình thức khuôn mẫu nào cả, mà là Đức Phật thật sự và duy nhất, đúng thật và tối hậu (Đức Phật không hẳn là vị Gotama / Cổ Đàm với 32 tướng tốt chính yếu và 80 tướng tốt thứ yếu, cũng không hẳn là các khuôn mẫu lý tưởng và cũng không hẳn là các biểu tượng nói lên một quyền năng siêu phàm và huyền diệu nào cả, mà Ngài chỉ là **Dharmakaya**, hiện thân của một **Sự Thật tối hậu và tuyệt đối**, hòa nhập vào thế giới, cùng vận hành với thế giới, nhưng đồng thời cũng vượt lên trên thế giới).

Kinh Kim Cương

Trong Kinh Kim Cương, qua các câu thơ nổi tiếng dưới đây, Đức Phật từng tuyên bố về Dharma như sau :

*Những ai trông thấy ta qua hình tướng của ta,
Những ai bước theo ta bằng cách nghe thấy tiếng nói của ta,
Thì các sự cố gắng ấy của họ cũng chỉ là vô*

ích.

Họ sẽ chẳng bao giờ trông thấy ta.

*Nếu muốn trông thấy chư Phật thì phải nhìn vào Dharma (Đạo Pháp),
[Bởi vì] các giáo huấn của họ đều xuất phát từ thân xác Dharma (Dharmakaya)
Thế nhưng bản chất đích thật của Dharma thì lại không thể nào trông thấy được nó.
Không bất cứ ai có thể hình dung được Dharma như là một vật thể (sự vật) nào cả.*

(Dharma là một cái gì đó biến hóa không cùng, vượt lên trên mọi cách hình dung cụ thể cũng như các sự hiểu biết quy ước và khái niệm. Tất cả mọi hiện tượng hiện ra chung quanh chúng ta, cũng như tất cả mọi xúc cảm, tư duy và các sự tạo dựng bên trong tâm thần chúng ta đều là các hiện tượng, chỉ toàn là các hiện tượng. Sự hiện hữu của chúng tùy thuộc vào sự níu kéo và trói buộc giữa các hiện tượng ấy với nhau, sự chuyển động đó của chúng tạo ra thế giới hiện tượng mà chúng ta đang sống trong đó. Vì vậy không thể nào dựa vào sự chuyển động đó của các hiện tượng để hình dung ra Dharma. Xin mạn phép nhắc lại là chữ Dharma dịch sang Hán ngữ là "Pháp" với ý nghĩa gốc của thuật ngữ này trong tiếng Hán là "luật pháp", do đó không phản ánh trung thực được ý nghĩa của chữ Dharma trong nền tư tưởng Phật giáo và văn hóa Ấn độ nói chung. Tốt hơn hết nên dùng thẳng chữ Dharma trong tiếng Phạn hoặc chữ Dhamma trong tiếng Pali).

Đức Phật không đúng là thân xác vật chất, cũng không phải là một hình thức khuôn mẫu (archetypal) nào cả. Đức Phật là Dharmakaya. Đức Phật là Hiện thực.

Vài lời ghi chú của người chuyển ngữ

Khái niệm về Tam thân và các biến dạng của khái niệm này - chẳng hạn như khái niệm về năm Jina - có thể gọi lên với chúng ta một ý niệm tiên khởi và bao quát nào đó về sự khác biệt giữa các tông phái Phật giáo. Các cách giải thích về Tam thân nêu lên trong các bài 53, 54 và cả bài 55 tiếp theo bài này, chủ yếu dựa vào quan điểm của Đại thừa. Khái niệm về Dharmakaya (Pháp thân) được nêu lên trước hết trong kinh Bát-nhã (Prajñāpāramitā-sūtra) và cũng là tạng kinh đầu tiên của Đại thừa, xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ I sau Tây lịch. Sau đó toàn bộ khái niệm Tam thân gồm đầy đủ Dharmakaya, Sambhogakaya và Nirmakaya, chỉ được các học Phái Duy thức và Du-già hành tông (Yogakara) của Đại thừa nêu lên vào khoảng thế kỷ thứ IV.

Tuy nhiên nếu nhìn vào kinh điển Pali thì chúng ta cũng có thể tạo được hay hình dung được một ý niệm nào đó về khái niệm Tam thân, thế nhưng ý nghĩa có đôi chút khác biệt với Đại thừa. Theo Phật giáo Theravada thì Tam thân gồm có: 1) Thân hình tướng (*caturmahābhūtikāya*) tức là thân tứ đại (đất, nước, lửa, khí) của Đức Phật ; 2) Thân tâm thần (*manomayakāya*) tức là thể dạng tâm thức Giác ngộ của Đức Phật nơi cõi thiêng liêng ; Thân Dhamma (*dhammakāya*) tức là "Pháp thân" hay Giáo huấn của Đức Phật.

Ngoài ra trong một trường phái xưa gọi là Sarvastivada, xuất hiện khoảng ba trăm năm sau khi Đức Phật tịch diệt, người ta cũng thấy nói đến khái niệm Tam thân. Trường phái Sarvastivada cũng được gọi là Sarvastivadin, có nghĩa là "Những người bước theo học phái Sarvastivada", hoặc đôi khi cũng được gọi là Vaibhasika. Sở dĩ nêu lên các chi tiết này là vì tầm

quan trọng của nó đối với kinh điển Hán tạng, bởi vì hầu hết các kinh điển gốc - tức là các bài kinh hay bài giảng của Đức Phật - bằng tiếng Phạn lưu lại đến nay là do trường phái này dịch lại từ các kinh điển "nguyên thủy" bằng tiếng Pali của Phật giáo Theravada. Các bản dịch sang tiếng Hán và tiếng Tây Tạng nhiều thế kỷ sau đó đã được dựa vào các bản "kinh gốc" bằng tiếng Phạn này. Theo trường phái Sarvastivada thì Tam thân gồm : 1) Thân Dharma (*dhammakāya*) hay "Pháp thân" là một thể dạng của Đức Phật mang tính cách siêu-thế-tục, tức là vượt lên trên thế giới vật chất ; 2) Thân vật chất (*vipākakāya*), tiền ngữ *vipaka* có nghĩa là kết quả hay sự xứng đáng, đôi khi thể dạng này cũng được gọi là *Rupakaya*, chữ *rupa* có nghĩa là hình tướng hay hình tướng vật chất ; 3) Thân biến hóa (*nirmāṇakāya*), là các thể dạng biến hóa của Đức Phật nhằm giúp đỡ chúng sinh hữu hiệu hơn.

Tuy nhiên chúng ta sẽ không đi sâu vào các cách định nghĩa về Tam thân theo các trường phái trên đây, mà chỉ nhìn vào khái niệm Tam thân qua một góc nhìn khác hơn, liên quan đến sự tiến hóa của tư tưởng Phật giáo qua không gian và thời gian.

Kinh *Mahāparinibbana Sutta* (Đại-bát Niết-bàn Kinh) cho biết trước khi nhập diệt Đức Phật đã dặn dò người đệ tử thân cận của mình là Ananda như sau : "..., này Ananda, hãy sống như một hòn đảo, và xem hòn đảo đó là nơi an trú cho mình. Dhamma cũng vậy, cũng tương tự như một hòn đảo, vậy hãy xem Dhamma là nơi an trú độc nhất và duy nhất cho chính mình". Những lời của Đức Phật trên đây cho thấy khái niệm Dhammakaya (tiếng Phạn là Dharmakaya) là chủ đích tối hậu trong việc tu tập, thế nhưng sau đó quan điểm này đã được mở rộng và

trở nên đa dạng hơn, đưa đến vô số các hình thức và các chủ đích tu tập khác nhau, qua các học phái và tông phái khác nhau. Trước hết và sớm nhất là sự xuất hiện của các khái niệm *Vipākakāya* và *Nirmāṇakāya* trong trường phái Sarvastivada như đã được nói đến trên đây, và tiếp theo sau đó là các khái niệm *Sambhogakāya* và *Nirmāṇakāya* trong Đại thừa nói chung. Sự biến dạng của các khái niệm này lại tiếp tục được giải thích và khai triển phong phú hơn sau đó.

Đối với Phật giáo Theravada Đức Phật là một vị hoàng thân, một con người mang nhiều tướng tốt, gần với con người hơn. Thế nhưng sau đó Đức Phật đã phát huy được một Trí tuệ siêu việt giúp mình thoát ra khỏi thế giới hiện tượng, đánh dấu kiếp nhân sinh cuối cùng của Ngài trong thế giới đó. Sự chấm dứt kiếp nhân sinh đó của Ngài được xem như là một sự tắt nghỉ hoàn toàn gọi là Parinirvana (Đại-bát Niết-bàn). Trái lại đối với Đại thừa nhất là Kim cương thừa và Phật giáo Trung quốc, Đức Phật vượt trở nên thiêng liêng, siêu nhiên, và mẫu nhiệm hơn. Ngài từng là một vị Phật từ vô tận, và từ cõi thiên đã hiện ra trong thế giới này để cứu độ chúng sinh. Sau khi tịch diệt Ngài vẫn tiếp tục hiện hữu qua muôn ngàn thể dạng Sambhogakaya và Nirmanakaya khác nhau hầu lúc nào cũng ở bên cạnh chúng sinh để giúp đỡ họ.

Đối với Phật giáo Theravada thì Đức Phật đã cắt đứt chuỗi níu kéo bất tận giữa sự sinh và cái chết, tức là **thoát ra khỏi cõi samsara** (luân hồi). Sự chấm dứt đó của sự sinh cũng tương tự như một ngọn lửa tắt khi nó không được châm thêm nhiên liệu. Đối với Đại thừa thì Đức Phật **vượt lên trên samsara và cả nirvana**, có nghĩa là vượt thoát mọi hình thức đối nghịch để trở thành một sự trống không tuyệt đối (sunyata) và sự

trống không đó cũng chính là bản thể đích thật của Hiện thực tối hậu. Qua một góc nhìn khác cụ thể hơn, thì trong Đại thừa Đức Phật cũng trở thành hạt mầm của sự Giác ngộ (tathagatagarbha / Như lai tạng) hay Phật tính hay Bản thể của Phật (buddhata, buddha-svabhava, tiếng Anh là buddhahood). Ngoài ra theo Đại thừa, Đức Phật cũng có thể hiện ra qua năm thể dạng của trí tuệ siêu nhiên là Vairocana, Ratnasambhava, Amitaba, Amoghasiddhi và Akshobya. *"Đức Phật không phải là thân xác vật chất, cũng không phải là một hình thức khuôn mẫu nào cả. Đức Phật là Dharmakaya. Đức Phật là Hiện thực"*, câu này cũng là câu kết luận cho bài giảng trên đây của nhà sư Sangharakshita.

Bures-Sur-Yvette, 22.02.22

Hoang Phong chuyển ngữ



Phẩm Bà La Môn

416

*Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.*

Đôi nét về các hình thức nghệ thuật sân khấu truyền thống của Việt Nam

Theo Kiến Thức Du Lịch

Cùng tìm hiểu sự khác biệt giữa tuồng, chèo và cải lương, giữa quan họ, ca trù và hát xoan... để cảm nhận sự phong phú của nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam.

Chèo

Chèo là một trong các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam. Phát triển mạnh ở đồng bằng Bắc Bộ và giàu tính dân tộc. Thể loại này mang tính quần chúng, nó sử dụng ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa kết hợp với cách nói ví von giàu tính tự sự và trữ tình.

Nội dung thường lấy ra từ những câu chuyện cổ tích, truyện Nôm rồi được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu, mang giá trị hiện thực cùng tư tưởng sâu sắc, nó phản ánh những giá trị đạo đức cao quý như lòng dũng cảm, sự hy sinh quên mình, sự trung thành.....Do vậy tuy nội dung khác xa cuộc sống thực tế những vẫn làm lay động lòng người.

Cải lương

Sân khấu cải lương là loại hình kịch hát rất được ưa chuộng. Nội dung và cốt truyện của các vở cải lương thường khai thác từ các câu chuyện Nôm như Kim Vân Kiều hay Lục Vân Tiên. Nó chiều theo thị hiếu của khán giả. Âm nhạc cải lương chịu ảnh hưởng của hai nền nhạc là ca hát dân gian và nhạc khí dân gian. Điều đó tạo nên phong cách riêng và cũng là điểm thu hút của cải lương đối với khán giả cả trong và ngoài nước.

Tuồng – hát bội

Nghệ thuật tuồng có nhiều kiểu nói lời khác nhau như nói lời thường, bốp, ai, xuân, đập, xuân nữ.....do đó có nhiều cách nhả chữ, ngắt chữ cũng như tùy tính cách nhân vật mà vận dụng cho phù hợp. Có nhiều làn điệu khác nhau, khi nói có nhạc khí đệm hoà theo.

Sân khấu tuồng dùng sắc mặt, màu sắc để phân biệt vai nhân vật, như sắc đỏ được dùng dặm mặt biểu hiện vai trung thần, màu xám là nịnh thần còn màu đen là kẻ chân thật và màu lục là hồn ma.

Tuồng Đào Tam Xuân

<https://www.youtube.com/watch?v=XFewslkKeMo>

Quan họ Bắc Ninh

Quan họ là một trong những làn điệu dân ca của vùng đồng bằng Bắc Bộ, chủ yếu ở vùng Bắc Ninh và Bắc Giang. Dân ca quan họ là lối hát đối đáp giữa nam và nữ. Thường hát vào mùa xuân hay mùa thu khi có lễ hội, hát đối giữa cặp này với cặp kia. Nội dung nói về tình cảm đôi lứa, đôi khi là quê hương đất nước.

Năm 2009, UNESCO chính thức công nhận Hát Quan họ là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Ngày nay nhà nước đang cố gắng bảo vệ loại hình nghệ thuật đặc trưng này.

Hát ca trù – hát ả đào

Hát ca trù – hát ả đào là bộ môn nghệ thuật truyền thống của miền Bắc Việt Nam, rất phổ biến ở thế kỷ XV. Đây là một thể loại hát nói có sử dụng đàn đáy, phách và trống là các loại nhạc khí đặc trưng của Việt Nam. Dù trải qua nhiều thăng trầm nhưng nó vẫn giữ nguyên vẹn những giá trị văn hoá truyền thống của Việt Nam.

Ca trù của Việt Nam được UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp vào ngày 1/10/2009.

Hát xoan – khúc môn đình

Hát xoan là nghệ thuật hát tổng hợp, hát đối và đỡ giọng giữ nhịp, đây là hình thức hát thơ. Hình thức nghệ thuật này tổng hợp tất cả các yếu tố như ca nhạc, hát, múa và thường biểu diễn trong các lễ hội mùa xuân đầu năm. Hát xoan được phổ biến ở vùng đất tổ Hùng Vương – Phú Thọ.

Ngày 24/11/2011 UNESCO công nhận hát xoan – Phú Thọ, Việt Nam là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Làn Điệu Việt: Điệu Hát Xoan
<https://www.youtube.com/watch?v=9THlc9DKfNQ>

Hát then

Là thể loại ca nhạc tín ngưỡng của người Tày, Nùng. Họ mang trường ca, mang màu sắc tín ngưỡng vào nghệ thuật. Âm nhạc là yếu tố xuyên suốt cuộc hát then.

Hát then có nhiều bài bản, làn điệu. Lời hát theo hình thức diễn xướng tổng hợp ca nhạc từ đàn tính, múa cùng diễn.

Múa rối nước

Múa rối nước là một nghệ thuật dân gian độc đáo của Việt Nam ở các tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ. Rối nước thường biểu diễn các tiết mục liên quan đến nhà nông như làm ruộng, chăn vịt, đánh cá, dặt cửi, xay lúa, giã gạo, hay các trò thi đấu không là nói về các anh hùng dân tộc.

Tiết mục rối nước thường ngắn gọn và xúc tích, phản ánh chân thực cuộc sống lao động cùng chiến đấu chống thiên tai địch họa xây dựng cuộc sống ấm no của nhân dân.

Ngày nay múa rối nước còn chinh phục được cả các du khách quốc tế, là nhịp cầu kết nối giữa Việt Nam và bạn bè quốc tế.



Lửa trong Phật Thất! Lửa trong Phật thất!!!

Bảo Quốc Kiếm

(Vâng lời chỉ giáo của Chư Tôn Giáo phẩm, tôi sửa lại một số từ ngữ)

Những tiếng kêu gào dữ dội, những ngọn lửa hùng hực cháy, những đoàn người hoảng hốt tán loạn chạy tứ tung mọi phía, đã đánh thức tôi dậy từ trong giấc ngủ chập chờn trên chiếc ghế nhỏ. Mãi suy tư về "Phong trào Phật thất" của một người tự xưng là cư sĩ Tịnh Hải, đã làm tâm tư tôi đau nhói khôn lường. Nói với ai đây? Làm thế nào cho người Việt của mình hiểu được những hiểm nạn này. Tôi ngâm ngùi nhớ lại câu thơ: "Nỗi niềm biết tỏ cùng ai. Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây". Phải, chàng đang say sưa với mộng đời trăng gió, đang được người ta điếm phần tô son. Trước mắt chàng là vòm trời cao rộng đầy hoa lá thơm tho, cây trái ngọt bùi. Những tiếng nhạc của thiên thần danh vọng. Những lâu đài tráng lệ nguy nga đầy hương thơm tình ái, những châu báu ngọc ngà, những món trớn của bình minh trên bể cả, những hoàng hôn bên xóm núi thần tiên. Tất cả đó đủ để đưa hồn chàng vào một cuộc đời và một cuộc tình lãng mạn. Chàng đang mê man trong làn khói hương của những bàn tay phù thủy. Chàng đâu còn biết đến những điều tàn đồ nát đang hiện hữu dưới chân mình. Chàng đâu còn đủ sức để thấy được những hăm dọa, chông gai, cạm bẫy đang chực chờ phía trước. Nghĩ thân phận mình như một cô phụ ngóng trông. Những giọt nước mắt không thể chảy xuống, mà trước mắt tôi cả một trời máu lệ đau thương.

Hướng hồn về nơi quê cha đất tổ mà nghe một nỗi hờn đau của một người vong quốc, mà nghe tiếng khóc của 80 triệu đồng bào thân thương đang quần quai dưới khung trời "xã hội chủ nghĩa". Tôi bỗng nhớ lại hai câu thơ mà tôi đã ghi vội xuống trên mặt đất trong một trại tù: "Mở xa ngọn núi khoe vàng. Non sơn những nét huy hoàng điêu hui."

Thật là vô nghĩa lý! Thật sự vô nghĩa lý! Nhưng không phải lời thơ vô nghĩa lý, mà chính cái xã hội chủ nghĩa mới thật là vô nghĩa lý!!! Sự huy hoàng chỉ có trên đôi môi và trên đời sống của những con người chiến thắng. Còn dân đen thì bị bắt buộc bồng bế nhau lên vùng "Kinh tế

mới". Cái kinh tế mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam! Không một túp lều, không một giếng nước, không một mảnh đất trống để cắm dùi. Chỉ toàn là cây cối um tùm, cỏ gai dày đặc...Nhìn đoàn người đang đi, mặt mũi tẩm đầy mồ hôi và nước mắt. Đôi chân không một đôi dép mà phải từng bước đi dậm dòn trên sỏi đá, chông gai! Ôi cái thiên đường quái lạ, ghê tởm!

Sau gần 30 năm chúng vẫn say mùi chiến thắng, đã và đang thực hiện một xã hội chủ nghĩa tự do quái đản: Đảng và cán bộ tự do nói, dân tự do chấp hành. Cán bộ tự do hốt, dân tự do dâng hiến. Tòa án Đảng tự do kết án, dân tự do vào tù. Tôn giáo Tự do tiêu diệt...

Là người dân Việt, là một Phật tử, ai lại khỏi ngâm ngùi, xót xa, tủi nhục khi đọc lại bản Bình Ngô đại cáo:

"Vì họ Hồ chính sự phiền hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ ngược, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ trăm ngàn khố, ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa nát cả càn khôn, nặng khóa liềm vết không trơn sạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống biển mò châu. Nào hớ bẫy hươu nai, nào lưới mò chim chả. Tàn hại cả côn trùng thảo mộc, neoh nhóc thay quan quả liên diên. Kẻ há miệng, đứa nham răng, máu mũi bấy no nên chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, tay chân nào phục dịch cho vừa. Nặng nề những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay, trúc rừng không ghi hết tội, dơ bẩn thay, nước bể không rửa sạch mùi..."

Nhưng rồi nhờ tinh thần dân tộc, nhờ hồn thiêng sông núi, nhờ tấm lòng hi sinh cao cả mà: "Vẫy vùng một mảnh nhung y, nên công đại định. Phẳng lặng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh thanh".

Thế mà giờ đây, thế kỷ 21, Cộng đồ không những hành hạ đồng bào, mà còn đem đất dâng cho bọn giặc thù phương Bắc!

Thế mà giờ đây sĩ khí bị vùi chôn, Anh hùng vắng mặt. Đau lòng nhớ lại câu: "Sĩ khí rụt rè gà thấy cáo, văn chương liều lĩnh bằm ăn xôi". Khi

nhìn một vị tướng đã một thời oanh liệt nơi trận mạc, giờ lại quì gối trước một thằng nhóc con đề được xoa đầu khen thưởng. Lại ngao ngán thay cho những ngòi bút truy niệm độc tài, ngợi khen xâm lược! Ôi! Sân khấu cuộc đời sao mà nhiều trò ảo diễn lắm thế !!!

Đã đau cho vận nước, lại xót nỗi đạo suy. Nhưng tài đức vốn nghèo nàn, khả năng kém cỏi, làm sao gánh nổi trọng trách cho đời. Do vậy, chỉ đem một chút lòng thành, một chút suy tư để chia sẻ cùng đồng bào, đồng đạo. Ước mong sao kẻ hiền tài ra sức đánh bại thù chung. Có thể rằng ở khắp nơi đã có người lên tiếng, nhưng ngại vì chưa thấy, nên cũng đem chút ngu ý trình bày.

Ai cũng biết rằng, hoà mình trong cuộc đấu tranh chung cho dân tộc, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) đang kiên trì trong sứ mạng của mình:

"Lập trường giáo hội PGVNTN chúng tôi trước sau như một: Dân tộc, hoà bình, từ bi, cứu khổ" (Đức tăng thống gửi đảng CS và nhà nước XHCN Việt Nam ngày 21-4-2000)

Giáo Hội PGVNTN không chấp nhận quan điểm "Dân tộc đapa pháp và xã hội chủ nghĩa". Chính vì vậy mà cho đến nay chư Tôn đức vẫn bị áp bức, đầy ải, tù tội. Tuy nhiên, các ngài vẫn tiếp tục đấu tranh cho đến ngày toàn thắng. Cộng sản VN đã nhận thấy những khó khăn của chúng khi trực diện với quý ngài, nên đã liên tục dùng các thủ đoạn để chia rẽ nội bộ. Lợi dụng, một số tu sĩ nhẹ dạ, hoặc cán bộ tôn giáo đã cài đặt sẵn, rồi lập GHPGVN. Nhưng cho đến mấy năm gần đây, dân chúng đã biết rõ những khuôn mặt của các vị như Trí Tịnh, Thanh Tứ, Trí Quảng, Minh Châu... nên trận tuyến này không còn mấy hiệu quả. Bây giờ ngọn đèn kế tiếp chúng đang dùng là vươn cánh tay ra hải ngoại, thành lập một tổ chức có thể được xem là trí vận, đây chỉ là màn sơ khởi và kẻ chỉ huy còn dấu mặt. Đó chính là "Phong trào Phật thất", do một tên tự xưng cư sĩ Tính Hải đang điều hành một nhóm đạo tặc để hồng tiêu diệt Phật giáo. Vai trò nó đang đóng là "Xiêu dương Tịnh độ", mà tội nghiệp thay trên đó lại có danh tánh của một số tăng ni. Cái thật thật, giả giả mà chúng đang làm. Phải cẩn thận nếu không thì sẽ mắc mưu bọn chúng.

*Ngoài thì thơn thớt nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người
không dao (Kiều)*

Suy nghĩ đến đây, tôi thấy lòng mình se lại. Tôi bỗng đứng dừng dậy, khoác chiếc áo lạnh

trời đi ra ngoài. Tôi không biết mình đang đi đâu, nhưng đôi chân vẫn tiếp tục chuyển động. Nhìn những bông tuyết rơi lá tả, tôi tưởng chừng cả trời đất tang thương. Gió vẫn rít, tuyết vẫn rơi, mà lòng người đang nóng bỏng. Nội tâm và ngoại cảnh là hai khung trời riêng lẻ, cô đơn. Những hoài niệm về quê hương, những xót xa cho thân phận, những tủi hổ cho kiếp người lưu lạc:

Giờ ngó lại bốn vách tường ử rữ

Suối rừng xa ngược nước xuôi ngàn (TT Tuệ Sỹ)

Và: Tôi vẫn đợi những đêm dài khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao trên khóe miệng rung rung
(TT Tuệ Sỹ)

Trong nỗi đau trầm thống của nhân gian, trong lạc loài cô đơn của thập loại chúng sanh, các vị Bồ Tát của Đạo Phật, luôn luôn có mặt. Các ngài có thể xả cả thân mạng, tai, mắt, tay, chân để đem lại cho chúng sinh niềm an lạc. Hạnh nguyện của các ngài là biến nhân gian thành Tịnh độ, thì các khổ nhục, sự chết chóc có nghĩa gì đâu. Nghĩ ngợi liên miên, rồi bỗng nhớ đến bài thơ của HT Thích Quảng Độ:

Khổ đau ơi
Thôi đừng hù ta nữa
Ta biết mi lắm rồi
Ta đã gặp mi trên khắp nẻo đường đời
và mỗi lần gặp mi
Ta đều mỉm miệng cười
Và nhìn thẳng mặt mi không hề sợ sệt
Mi thực đáng sợ hơn sự chết
Nhưng với ta mi chẳng là chi
Đừng mơ tưởng vì sợ mi
Ta sẽ đối đời khí tiết
Đề cùi đầu trước bạo lực phi nhân
Cứ dầy dọ ta đi cho thỏa chí hung thần
Ta đã nguyện chẳng tiếc gì thân mạng huyễn
Khổ đau ơi
Mi có nghe giữa dòng đời lưu chuyển
Sóng vô thường đang cuộn cuộn thét vang
Đừng tự hào đã đắc thắng vinh quang
Trên xác chết của loài người bất hạnh vì

ngu si

Mi chẳng biết chi ngoài sức mạnh
Rồi vui cười trên đống nát điều tàn
Nhạc mi nghe là những tiếng khóc than
Trà mi nhấp là những giọt lệ tràn
và rượu mi say là máu đào tươi thắm
Màn trường mi buông là những vàng khăn

trắng

Của muôn dân đang quần quai dưới chân mi
 Nghèo đói theo sau mỗi bước mi đi
 Gông cùm xiết chặt nơi nào mi tới
 Ánh bình minh trở thành bóng tối
 Phủ mịt mờ mọi lối tương lai
 Những hài nhi vô tội trong thai
 Mi bóp chết dưới chiêu bài nhân mãn
 Khổ đau ơi

Mi có nghe những tiếng hờn than oán
 Đang vang lên từ phố thị làng quê
 Từ hải đảo đến sơn khê
 và từ đáy mồ của những oan hồn vương vất
 Mi biết không

Chẳng có nơi nào trên mặt đất
 Trong hư không hay dưới biển sâu
 Sẽ tìm ra chỗ trú ẩn dài lâu
 Để mi trốn khi trái sầu đã chín
 và ngày ấy quyết định rồi sẽ đến
 Khi loài người bừng tỉnh khỏi cơn mê
 (Nhấn nhủ khổ đau - 1983 tại xã Vũ Đoài)

Một bản cáo trạng vắn tắt gọn gàng mà đầy
 đủ súc tích, và một xác định cứng như kim cương
 bất hoại: "Phải vì Dân tộc và đạo pháp mà chiến
 đấu, dù có hi sinh".

Tôi không biết một số người đang thông
 dong ngoài khung trời xã hội chủ nghĩa có nghe
 chẳng nổi đau bất tận của đồng bào mình:

Tôi đã nghe niềm đắng cay tủi hổ
 Sống đọa đầy như loài thú hai chân
 Dưới bàn tay của những kẻ vô thần
 Đạo pháp tan hoang, giang san rách nát

Tôi nguyện sẽ không bao giờ khuất phục
 Những kẻ chỉ biết tin nơi bạo lực
 Nuôi hận thù và giết chết tình thương
 (HT Quảng Độ - trên đường lưu đầy)

Đề từ Phật gia không phải là con người hèn
 nhát, mà phải tu Bồ tát đạo, đầy đủ Bi Trí
 Dũng. Quyết chí xông pha nơi đau khổ, an nhiên đi
 thẳng vào địa ngục khi chúng sanh đang cần đến sự
 cứu giúp. Khi tiền đồ Tổ quốc và Đạo pháp ngửa
 nghiêng, có lẽ nào ngồi nhắm mắt lim dim niệm
 Phật, rồi thì đóng vai như kẻ qua đường:

Đạo pháp suy vi: Bời lẽ trời
 Thấy kẻ phá chùa: Khoanh tay đứng
 Nhìn người đập tượng: Nhắm mắt ngồi
 Bắt bớ Tăng Ni: Thây mẹ nó
 Giam cầm Phật tử: Mặc cha đời

(Liên ngâm đại khôn - HT Quảng Độ)

Mặc dù chí nguyện của người xuất gia là tiến
 đến cứu cánh giải thoát. Vãng sanh Tịnh Độ là một

trong những mục tiêu cao cả, nhưng không thể nào
 sống đời ích kỷ, bạc nhược. Hạnh Bồ tát là cần mẫn
 độ sanh, trong bất cứ trường hợp nào cũng phải xả
 thân cầu đạo, thì lẽ nào lại nhắm mắt làm ngơ trước
 thảm cảnh của đất nước, trước khổ sở, đau sầu
 đồng bào, đồng đạo. Do đó phải chi thành phát
 nguyện:

Tôi lỡ sinh ra giữa cuộc đời
 Mệnh mông nước mắt biển đầy vơi
 Đường về quê cũ dừng chân tạm
 Để với nhân gian góp nụ cười

(Đỉnh chơi vơi - HT Quảng Độ)

Đọc đến đây, tôi nghe lòng mình rộn lên một
 niềm vui bất tận. Nhưng đồng thời cũng nghe một
 nỗi quặn đau khi nhớ lại việc Thầy Minh Châu đã
 lập bản án lưu đầy cho HT Huyền Quang và HT
 Quảng Độ. Rồi nào là HT Trí Tịnh trả lời phỏng
 vấn thầy Thanh Tứ nguy hiểm, và giờ lại thêm một
 Phong trào Phật thất nữa.

Tiếc thay trong bốn năm qua, tôi không hề
 biết đến phong trào này. Chỉ mới cách nay vài
 tháng, lần đầu tiên chúng tôi nhận được một tài liệu
 gọi là "Tuồng trình Phật thất" và sau đó là lá Thư
 ngõ gởi chư Tôn đức VN khắp trên thế giới. Kèm
 theo là tâm thư gởi cư sĩ Phật tử, cùng với tập
 truyền đơn dày 260 trang gọi là Kinh nghiệm niệm
 Phật... Một cuốn Kinh vô lượng thọ, Kinh kiến
 chính, Tây phương xác chỉ và mấy tờ truyền đơn
 rời rạc. Đọc qua mấy tài liệu trên, chúng tôi bỗng
 giật mình, khiếp sợ. Ma vương CSVN đã chơi đến
 đòn chí tử, mà một số Phật tử (Đảng Viên hoặc cảm
 tình viên) cũng đường vô kể, thì thiệt cũng lạ
 đời. Cái tư thế phu xướng phụ tùy của Tịnh Hải và
 Diệu Âm coi ra thật là ngọt lịm. Nhưng ác ý thì thật
 vô cùng ghê rợn. Chiêu "gây ông đập lưng ông" mà
 Diệu Âm và Tịnh Hải phối hợp nhuần nhuyễn
 lắm. Chỉ là những cá nhân ngông cuồng hay một
 tập đoàn "Tiêu diệt Tôn Giáo"? Là Phật tử hay khai
 tử Phật?

Thật buồn cười cho những con sư tử trùng
 cứ tưởng rằng mình là thật, mà quên đi rằng chỉ là
 lũ chó săn!!! . Cho nên khi thì vênh vang ngiên
 cứ đạo Phật 16 năm ròng rã. Nhưng lúc lại tự tiết
 lộ rằng: "con sống bằng nghề tìm sự thật." và cuối
 cùng thú nhận: "có một ẩn ý trong này không tiện
 nói ra, xin chư vị tìm hiểu cho".

Không cần dài dòng, nghề tìm sự thật chính
 là nghề tình báo. Ở đây chúng ta có thể hiểu là nghề
 đi moi móc; rồi từ những moi móc ấy, lấy những
 câu, những chữ nào có thể lợi dụng để mập mờ đánh
 lặn con đen. Đi tìm kiếm những lỗi nào mà chư

Tăng dễ phạm (mà hầu hết là cán bộ CSVN cài vào). Rồi rêu rao nói xấu

Thật sự nham hiểm!!!

Còn một điều "có ẩn ý" là gì ? Hẳn mọi người cũng đồng ý với tôi rằng, một đệ tử viết thư cho thầy lại phải dùng ẩn ý hay sao ? mà đây là ẩn ý thì sao lại tiết lộ? Một Phật tử viết thư cho Thầy mà lại dạy Thầy của mình sao? Như vậy, ẩn ý ở đây chỉ có thể hiểu là một lời báo cáo lên lãnh đạo Đảng của chúng rằng, tôi chỉ có thể làm ngang mức đó. Còn nếu nói toạc ra thì sợ bị ăn đòn, bẽ ô.

Hãy nhớ kỹ rằng: "Thiện ác đảo đầu chung hữu báo."

Thương thay cho lão tặc ma quái kia, tự cho mình thông thiên, liễu địa. Thế mà không biết rằng lịch sử Phật giáo đã trải qua bao nhiêu sóng gió, mà vẫn tồn tại. Nào là Hồi giáo tấn công Ấn độ tiêu diệt Phật giáo ở thế kỷ 13. Nào là Nho giáo Trung quốc. Nào là những Ác vương Việt Nam, nhưng cuối cùng thì: "Giặc đánh Bồ đề thì giặc phải tan".

Trong kinh đức Phật nói rằng: "sau 1000 năm là bắt đầu thời kỳ mạt pháp". Mạt pháp ở đây phải hiểu là số người chứng đắc mỗi ngày một giảm dần. Thời kỳ mạt pháp ấy kéo dài rất lâu, cho đến trước khi đức Di lạc ra đời. Nếu đem số hàng triệu năm mà so sánh với 1500 năm, thì thấy rằng còn xa lắm. Trong kinh Niệm Phật ba la mật, đức Quán thế Âm có nói rằng: "Kinh điển sẽ từ từ bị hủy diệt, trước hết là kinh Lăng nghiêm". Hãy nhìn thử xem, bây giờ Ba tạng kinh điển vẫn còn nguyên vẹn, thì kẻ lợi dụng câu này mà âm mưu tiêu diệt Phật Giáo, thiệt quá hớ rồi! Còn đối với Phật Giáo VN, một tôn giáo duy nhất đã hoà lẫn vào trong lòng dân tộc, đã chịu chung với số phận thăng trầm của đất nước hơn 2000 năm và đã trở thành mạch mạch của dân tộc, thì ai có khả năng thực sự để tiêu diệt ??

Mãi triền miên suy nghĩ, tôi đã quên đi rằng mình đi quá xa. Thôi bây giờ hãy quay lại với câu chuyện của Lão Tịnh hải này. Chỉ cách nay khoảng vài ba tháng, lần đầu tiên chúng tôi nhận được loại truyền đơn này. Không hiểu tại sao, mắt tôi lại nhìn thẳng vào dòng chữ: "Thật ra chúng tôi chẳng là "cái thá gì". Ngay tức khắc tôi gọi vào sọt rác. Tại sao thế? Vì đó là một mảnh giấy được ghi là tường trình Phật thất, nhưng lại do một tên đá cá lặn đưa làm ra, thì đọc làm chi cho mỏi mắt, mất công. Có một Phật tử nào khi làm Phật sự lại dùng thứ ngôn ngữ đầu trộm đuôi cướp ấy ?

Thế rồi ngày tháng trôi qua, tôi không buồn nghĩ đến chuyện ấy nữa. Nhưng sau hơn một tháng, cái oan gia ấy lại quay về. Hôm ấy chúng

tôi nhận được một mớ truyền đơn khác. Nào là thư ngỏ gửi chư tôn đức Tăng Ni các chùa VN khắp thế giới, trong đó có kèm theo tâm thư gửi chư Liên hữu, một cuốn kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi và một sổ tờ rời khác. Trong lúc các đạo hữu khác ngồi xem thì tôi tăng lơ đi nơi khác, bởi vì tôi thấy không thiện cảm với cái gọi là "Phong trào Phật Thất" rồi. Thật là một chuyện quái đản, lạ đời!!! Tu hành là một việc rất quan trọng của người học Phật. Tu hành không chỉ một ngày một bữa, mà là công việc trong nhiều đời nhiều kiếp. Thế sao lại là phong trào? Tôi cười khẽ và đau lòng nhớ lại cái chuyện phong trào cải cách ruộng đất, phong trào đánh Tư sản mại bản, phong trào cách mạng quốc gia... Tôi giật mình quay lại vì nghĩ rằng chắc có chuyện quái quỷ gì đây. Một lần nữa, tôi lại thấy ngay dòng chữ! "Có một ẩn ý trong này, không tiện nói ra, xin chư vị tìm hiểu cho". Thế là tôi lướt nhanh qua từng trang một. Và kết luận đầu tiên là "Lũ mất dạy"

Hãy nhìn xem, một bức thư gửi cho chư Tôn đức VN trên khắp thế giới, mà mở đầu bằng một chữ "kính". Không kính thưa, kính bạch.... thì kính gì, kính ai? Một em bé học lớp 3 cũng biết thế nào để viết một bức thư cho cha mẹ, anh chị. Huống hồ một lão già 75 tuổi ? Khi nói về cổ HT Đức Niệm thì viết: Ngài huých tẹt, buộc miệng.... và nhiều chỗ khác nữa.

Một Phật tử có thể xưng hô như thế với thầy mình không? chắc là không. Vậy nó là ai?

Nơi thư ngỏ (TN) trang 6 dòng 26, tác giả tự giới thiệu: "Con từ nhỏ bé, bị cha mẹ xách đầu tới chùa quý y. Xong lo phá chùa..." Tại trang 7 dòng 7: "Thế là con bắt đầu tự tìm hiểu. Con là người sống bằng nghề tìm sự thật".

Trong cuốn niệm Phật cách nào được vãng sanh, trang 18 lại viết "Nhớ rõ lúc đi kháng chiến, chúng tôi sống nhiều tháng ở rừng U minh"

Ở thư ngỏ...trang 27 dòng 12 đã ghi: "Chúng tôi nghe là việc của người viết lách. Còn khuyên chư vị nên nghe, để chư vị làm công việc của một người muốn vãng sanh".

Mọi người hiểu rằng, muốn trở thành một Phật tử thì phải thọ tam qui, trì ngũ giới. Nhưng người này, lúc còn nhỏ bé bị cha mẹ xách cổ đi qui y, thì không đúng pháp và sau đó chỉ biết phá chùa. Đến 60 tuổi thì tự nghiên cứu. Vậy ông ta không phải là Phật tử. Không niệm Phật thì sao xưng hô với người khác là liên hữu? Một điều khác cần lưu ý là tại sao ông ta lại đặt chữ phá chùa ở đây? Việc ăn cắp trái cây là chuyện thường tình của

trẻ em , vì chúng dại khờ đó thôi. Luật pháp cũng không buộc tội ,huống chi Phật pháp. Phải chăng đây là cái gọi là "ân ý". Tác giả cố tình khơi dậy một khái niệm để làm tiền đề cho những bài vớ mà đồng bọn đang ra công viết. lách. Đã không phải là Phật tử, không phải người tu Tịnh độ, vậy cố tình khuấy động "Phong trào Phật thất" để làm gì? Xin mượn câu này của TT Tuệ Sỹ: Cũng thế, người ta có bốn phen tìm, và lựa một đôi lời vụn vặt, nhưng nghe được, rồi đảo qua ,đảo lại để sắp đặt một câu chuyện sinh tồn. Quí đời còn biết vạch cỏ để kiếm sống, người sao lại không?

Đã tự giới thiệu mình là một cán bộ CS từ bung biển về, thì làm sao đủ khả năng để viết lách về Phật giáo? Hẳn đằng sau đó phải là Viện nghiên cứu Phật học của CSVN.

Trước khi đi vào nội dung, cần lưu ý:

A. Đức bốn sư Thích ca Mâu Ni đã vì chúng sanh mà tuyên thuyết Pháp môn niệm Phật, chư Tổ đã hoằng tuyên. Từ lâu rồi các bộ kinh Vô lượng thọ, Quán vô lượng thọ, Kinh A Di Đà, Niệm Phật Ba La Mật, Hoa nghiêm, Lăng nghiêm, Pháp hoa và các bộ luận, yếu giải... đã được thầy Tổ giảng dạy và hướng dẫn thực hành. Vậy chúng ta có cần nghe những lời nhảm nhí hay không? Học Phật thì phải học với ai, học như thế nào, hành như thế nào?

B. Chủ nghĩa CS là chủ nghĩa vô thần, vậy nó lập viện nghiên cứu Phật học để làm gì ?

Nó nghiên cứu chỗ nào có thể lợi dụng để đả kích Tăng già, lật đổ niềm tin của Phật tử, bóp méo lịch sử Phật giáo. vắn vẹo lời kinh, ...để tiêu diệt Phật giáo. Cộng sản VN đã định nghĩa PG như sau:

"Đối với đạo Phật, vai trò con người đối với xã hội và thế giới khách quan bị phủ nhận, vì chúng sinh chỉ là thế giới cảm giác, cách giải thích hữu hình là sự không ổn định. Không có cái nào từ cái khác mà sinh ra... đã làm cho tín đồ xa rời chức phận xã hội, dễ nảy sinh tâm trạng bi quan, yếm thế trước cuộc sống... Từ thời Lý Trần trở về trước, PG do có khả năng ru ngủ giai cấp nô tì là giai cấp bị áp bức... hầu như chiếm được địa vị độc tôn ở xã hội VN. (Trích thư của HT Thích Quảng Độ gửi Đảng CS và chính phủ CHXHCNVN ngày 22-9-99)

CSVN là một con ác quỷ, nó luôn lách khéo léo, đặc biệt là khối Tôn Giáo vắn. Nó dùng phương pháp "đội 3 đạp một" và cuối cùng thì kẻ thù bị tiêu diệt, nếu không thấy chúng. Hãy cẩn thận!

Để tìm hiểu cặn kẽ, tôi phải đọc đi đọc lại nhiều lần, để xem thủ đoạn của chúng cài đặt như

thế nào:

Trước hết, chúng viết nhiều loại truyền đơn đề ca ngợi cổ HT Đức Niệm, HT Trí Chơn là 2 vị cao tăng của GHPG VNTN/HN tại Hoa Kỳ để cho Phật tử hiểu lầm 2 vị này phát động phong trào. Nhưng trong đó đã quật ngược lại: "ngài thấy rõ dù ngài tu hành thật cẩn trọng, lập chùa, tái ấn tống vô số kinh sách, đào tạo nhiều Tăng Ni, nhưng sau khi đọc sách của chúng con, một hôm ngài buột miệng tâm sự với chúng con. Ngài nói rằng ngài cần gác bỏ mọi Phật sự.... " Như thế vị cao Tăng tu suốt cuộc đời mà không hiểu chi cả, nay nhờ đọc sách ông ta mà giác ngộ ! Hiển nhiên Ngài trở thành học trò của Tịnh hải rồi ! Cũng tương tự, nói về HT Tịnh không, ông ta cũng viết: "Cư sĩ Lý bình Nam là người thầy vĩ đại của HT Tịnh Không!!" Và đây Cư sĩ Tịnh Hải cùng nghiêm nhiên trở thành thầy vĩ đại của HT Đức Niệm!! Do ý này mà sự ngạo mạn vô lễ đã thể hiện trên thư ngõ.

Sau đó tác giả viết:: "Những công việc như trì chú, tụng kinh, viết sách, dịch kinh, đào tạo tăng ni đều chỉ là những phước đức, như tiền đề trong nhà băng, khi chết rồi không đem xài được, những phước ấy đều là thiện nghiệp..." Tôi không biết người đọc nghĩ thế nào? Riêng tôi, tôi cho rằng đây là một luận điệu thật độc ác, không phải ông ta không hiểu đó là những công đức lớn lao, nhưng nó cố tình vắn vẹo trái ngược đề tiêu diệt PG. Nếu không kinh thì con đâu PG, nếu không Tăng thì ai truyền thừa, nếu không trì, không tụng thì đâu còn đạo??? Đây là mục đích cuối cùng của chúng.

TN/4/32: "Bởi trong kinh Hoa nghiêm đức Bốn Sư nói, "tất cả chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng như lai , nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà chẳng chứng đắc. Từ câu kinh trên, con suy ra, thời này người xuất gia tu thiền định và tu định độ không có người chứng đắc."

Mang thân con bỏ chết làm sao hiểu nổi không gian vô cùng vô tận? Ai chứng, ai đắc làm sao nó hiểu được! Nếu người xuất gia Tu Tịnh Độ không chứng đắc, sao người tại gia có thể đắc? Nếu không đắc sao lại xiển dương Tịnh độ? Một thủ đoạn nham hiểm ! Bạc xuất gia là Trưởng tử của Như Lai mà tu không thể chứng đắc, ý của người viết đã rõ ràng rồi đó

Tại trang 5 dòng 22, lại viết: "HT Niệm Phật xen lẫn với tụng kinh, tức niệm Phật không nhứt tâm... cuối tuần còn lạy sám hối, tụng lương loàng sám. Có cái sám hối nào diệt nghiệp chướng hơn 4 chữ A Di Đà Phật? Niệm Phật còn xen tạp làm sao vắng sanh?" Đây là một luận điệu không

thể nào chấp nhận được.

Một câu nói hết mực xác láo, mất dạy, trợn lẩn ngu si, đần độn.

Như tôi đã trình bày, bọn chúng chỉ dùng Kinh để hủy báng Tam bảo, tiêu diệt PG, nên chỉ chọn câu, đoạn nào mà có thể lợi dụng mà thôi. Trong kinh niệm Phật ba la mật, Phật dạy: "Người niệm Phật phải biết cảm mộ ân đức ấy bằng cách đọc tụng kinh điển Đại thừa và giảng nói cho kẻ khác, khuyên mọi người qui y, bố thí, trí giới, thiền định. Khiến cho chánh pháp được lưu hành rộng khắp nhân gian, ai nấy đều được hưởng dụng cam lộ"

Như vậy sao lại nói tụng kinh, trì chú chỉ là phước đức không mang theo được? Lại nữa, Phật dạy rằng người niệm Phật chân chính là người phải thực hành lục độ vạn hạnh, chứ không chỉ ngồi nhắm mắt lim dim. Vậy thì những công việc trên của cổ HT Đức Niệm là lục độ, là vạn hạnh, sao dám nói là xen tạp? Thật sự lộ bạch, hớ hênh!

Cần nhớ rằng, phát tâm xuất gia cầu đạo là việc tối trọng yếu, việc tìm cầu về thế giới nào chỉ là một bản nguyện. Người xuất gia không như thế nào phải cầu về Cực lạc. Phật đâu có bắt buộc như thế. Lại nữa duyên khởi của Pháp môn niệm Phật là Phật dạy cho bà Vi đề Hy, tức trước hết là cho hàng tại gia. Còn hàng xuất gia, thì ngài đã dạy các pháp môn khác rồi. Nói thế không có nghĩa là người xuất gia không nên tu tịnh độ, nhưng chuyện vãng sanh đối với người xuất gia chắc chắn dễ hơn chúng ta. Bởi vì, nếu các ngài muốn vãng sanh, thì các ngài chỉ cần niệm Phật A Di Đà và đem tất cả công đức Giới Định Huệ hồi hướng về Tây phương, thì các ngài có thể dự ở Thượng Phẩm. Còn phàm phu tục tử thì sao? Giả như có vị giữ trọn được 5 giới, 10 giới, tại gia Bồ tát giới thì cũng giới hạn mà thôi. Còn vị xuất gia giữ 250 giới, 3000 oai nghi, tám muôn tế hạnh. Làm sao chúng ta có thể so sánh được. Việc nói rằng xuất gia hay tại gia cũng giống như nhau là một sai lầm nghiêm trọng. Thử nhìn một chú đệ tử nhỏ, chú chưa học, chưa biết gì, nhưng chú ăn trường trai, chỉ chừng ấy thôi liệu bao nhiêu người tại gia làm được?

Trong một truyền đơn rời khác, người viết lại tôn HT Đức Niệm là Bồ tát thị hiện và tuyên dương một số vị khác lập Phật thất theo ý ông ta cũng là Bồ tát, vậy mục đích của là gì?

Người viết có thực sự tôn trọng cổ HT hay không? Theo tôi, hoàn toàn không. Vì trước đó, ông ấy đã xem HT như là học trò rồi, đến nỗi khi ngài viên tịch lão ấy không thèm đến thăm một lần

cuối chỉ vì "đề tâm thanh tịnh"!!! Chỉ có Đại nhân nhục Bồ tát mới có thể chịu đựng được câu nói này. Nhờ học theo sách ông ta mà HT mới thành Bồ tát!!! Cho nên phải biết rõ mục đích của tác giả là lấy trường hợp của Ngài, lấy danh xưng của Ngài để phục vụ cho chính sách tiêu diệt tôn giáo của CSVN mà thôi.

Trên thực tế, việc nhập thất niệm Phật (hay thiền định) là một việc rất thường của các bậc tu hành. Sau một thời gian lo độ tăng, độ đời, phiên dịch, giảng nói.... các ngài xét thấy cần lo cho chính mình về cuối cuộc đời là lẽ đương nhiên. Bám vào câu: "Muốn vãng sanh, thầy phải kết thất niệm Phật" để hoan hô, đá đảo, làm bàn đạp để đẩy lên "phong trào thủ tiêu ý chí đấu tranh cho Dân tộc cho đạo pháp" của Phật tử VN, là một âm mưu bỉ ổi.

Hãy đọc thân những câu: "Từ lâu người ta tưởng một vị tu hành đã làm tới Hoà thượng, chết là cao đẳng Phật quốc. Bây giờ nói huych tẹt..."

"Từ lâu mọi người đều tưởng chư vị Tăng ni tu theo Phật tụng kinh, trì chú, lễ lạy đủ thứ, khi chết sẽ được Phật rước về cõi Phật!"

Đến đây, chắc mọi người đã rõ ý đồ ấy rồi chứ! Cho đến nay, tôi không rõ Phật học viện quốc tế đã phản ứng như thế nào. Không chỉ đề bảo vệ tôn danh của riêng Ngài mà là bảo vệ đạo pháp, bảo vệ tứ chúng. Im lặng được xem như đồng tình.

Trong kinh Niệm Phật ba la mật, đức Bồ tát dạy: "Muốn niệm Phật đúng pháp và tự biết mình chắc chắn vãng sanh, thì người niệm Phật phải pháp 10 thứ tâm: Tín tâm, thâm trọng tâm, Hồi hướng phát nguyện tâm, Xả ly tâm, An ổn tâm, Đà ra ni tâm, Hộ giới tâm, Ba la mật tâm, Bình đẳng tâm, Phổ hiền tâm. Vì quá dài, ở đây tôi chỉ xin trích dẫn 2 thứ tâm:

* Hộ giới tâm:

Này Diệu Nguyệt, người niệm Phật phải luôn luôn an trụ nơi giới luật, và hằng phát tâm hộ trì giới luật. Ấy là:

- giới chẳng bỏ Bồ đề tâm, chẳng quên Bồ đề nguyện

- giới tự nhiên xa lìa các phép học của Thanh văn, Duyên giác, không tham đắm Niết bàn vắng lặng mà bỏ rơi chúng sanh

- hân ngưỡng đại thừa, vui thích tu hành theo tất cả pháp học Bồ tát đạo.

- giới đem hết thầy thiện căn hồi hướng qua vị Chánh đẳng giác, mong cầu Phật trí, vô sư trí.

- giới nơi tất cả Phật pháp vô sở đắc.

- giới chẳng dính mắc tất cả thiện sự hữu vi

- giới khiến cho diệu pháp được tồn tại lâu

dài, làm cho hết thấy chúng sinh an trụ nơi chánh kiến.

- giới khéo léo tư duy tất cả hành nghiệp chúng sinh và khiến chúng sinh trưởng dưỡng ý hướng giải thoát.

- giới trang nghiêm tự tâm, đồng thời trang nghiêm mười phương quốc độ của chư Phật.

- giới chư căn luật nghi, như tỳ kheo giới, Bồ tát giới, tại gia ngũ giới...

Niệm Phật với tâm hộ trì các giới luật kể trên mới được gọi là chân chính niệm Phật.

* Phổ hiền tâm:

"Phổ nghĩa là không bỏ rơi chúng sanh. Hiền nghĩa là chẳng xa cách quả vị chánh đẳng giác. Phổ hiền tâm là tâm rộng lớn như hư không, luôn mong cầu độ thoát chúng sinh.

- Tâm vô biên như pháp tánh luôn luôn hân ngưỡng, thừa sự và cúng dường chư Phật.

- Tâm vô lượng, thọ trì tất cả Phật pháp chẳng quên mất.

- Tâm vô hạn vì được Phật lực hộ trì nên chẳng bỏ Bồ đề hạnh.

- Tâm thí xả tất cả, vì sẵn sàng buông lìa tất cả sở hữu, dầu là Pháp vô sở đắc. Tâm nhớ nghĩ đạo nhứt thiết trí trước hết, vì ham thích mong cầu tất cả Phật pháp.

- Tâm vô tận công đức trang nghiêm vì học hỏi tất cả hạnh nguyện Bồ tát.

- Tâm kiên cố như kim cang, vì tất cả bạch tịnh pháp đều chảy vào.

- Tâm như Tu di sơn vì tất cả ác ngôn đều nhả thọ.

- Tâm bát nhã ba la mật cứu cánh, vì khéo quán sát tất cả Pháp vô sở hữu.

- Tâm đại hùng, đại lực để niệm Phật bất thối chuyển.

- Tâm đại uy nghi vô tận công đức trang nghiêm, vì tùy thuận bản nguyện lực.

- Tâm vô cấu nhiễm, thường thanh tịnh quốc độ để thành tựu vô thượng Bồ đề.

- Tâm tinh tấn như tượng vương khéo điều phục dã thú, để sớm viên mãn đại nguyện Phổ hiền (Bản dịch của HT Thiên Tâm)

Người niệm Phật siêng năng trưởng dưỡng Phổ hiền tâm như vậy mới được gọi là niệm Phật chân chính, thường được chư Phật hộ niệm, hiện đời luôn thấy Phật cùng y báo trang nghiêm của cõi cực lạc.

Xem thế đủ biết rằng trong 9 chín phẩm sen vàng, ngôi thứ đã phân biệt rõ rệt. Sao lại có thể nói rằng người xuất gia và tại gia cũng như nhau. Lòng

tôn trọng sư trưởng, phụ mẫu không có, thì dù niệm Phật cũng khó mà thành công. Không thể tự ty mặc cảm, nhưng phải biết mình là ai, đang nghĩ gì, đang làm được những gì khi muốn so mình với kẻ khác. Thế mới gọi là trí giả. Đã coi kinh Phật mà còn kiêu căng, ngã mạn, không biết tôn ti, thì không xứng đáng làm người, chứ đừng nói là thức giả, là con Phật.

Nơi trang 8 dòng 27, Tịnh hải viết: "Con xin lỗi! chư vị để nói thật, thời này con không thấy có người giải thoát bằng con đường Thiên định". Và rất nhiều chỗ khác, ông ta tìm mọi cách để bài bác thiên tông. Hẳn nhiên chỉ cố ý làm mất hoà khí của Tăng đoàn, chứ không phải xiển dương Tịnh độ gì cả. Cũng một câu nói, mà Phật Tổ nói thì khác, mà ma vương nói thời lại khác. Ông ta muốn đánh dẹp các Tông phái để qui về một chỗ, đó là Phong trào Phật thất. Rồi dùng một mối lửa thiêu rụi là xong. Tổ đức đã dạy: "Tu thiên thêm tịnh thì như cọp có sừng" (Hữu thiên hữu Tịnh độ do như đới giác hồ). Đủ biết, Thiên tông chỉ cần gia công niệm Phật và hồi hướng công đức thì quả vị lại càng cao. Sao lại dám nói năng hỗn láo như thế.

Ngay đầu trang 9, Tịnh hải viết: "Có vị tu tới làm Hoà thượng rồi thì bắt đầu ăn riêng, và ăn thì có thị giả phục dịch. Nhưng chư vị ấy không ngờ đã rơi vào phân biệt chấp trước và trở thành bất bình đẳng. Phân biệt chấp trước làm tâm nhiễm ô, không thanh tịnh, không bình đẳng làm sao giác? Không giác làm sao chứng đắc, vì không giác là mê, mê là mất tự tánh. Tự tánh đây là Phật tánh của mình".

Tôi hoàn toàn không hiểu, ông ta nghĩ chữ phân biệt, chấp trước, bình đẳng là gì, mà có thể lý luận ngang ngược như thế. Học trò hầu thầy, con hầu cha mẹ là chuyện thiên kinh địa nghĩa. Sao gọi là phân biệt chấp trước? Sao gọi là mất bình đẳng? Như vậy chủ nghĩa cộng sản thực hiện con tố cha, vợ tố chồng, học trò đấu tố thầy... mới là đúng sao? Thảm cảnh của lý luận ấy đã diễn ra khắp nơi trong nước VN suốt mấy chục năm rồi và nay vẫn còn tiếp diễn. Ngay trong gia đình con không tin cha, vợ chẳng tin chồng...

Theo Phật pháp mà nói, thì việc phụng sự sư trưởng, hiếu kính cha mẹ, không những là lời khuyên chí thiết, mà còn là một giới luật. Người học trò được làm thị giả cho thầy là một ân huệ, chứ không phải là một cực hình. Đã là giới pháp, tất thực hiện sẽ sinh ra giới đức. Tăng giới thuộc về Tăng, người ngoài không được phép xen vào. Thế thì tác giả đã bị rơi vào "Nhất ngôn bất trúng, nên vạn ngôn vô dụng".

* Đề giải thích tại sao ông ta lấy kinh Vô lượng thọ hội tập mà ấn tống, chứ không lấy kinh khác. Ông ta nói: "Họ chỉ biết một, khi con chọn ấn tống kinh này là vì tựa đề có 5 chữ Thanh tịnh Bình đẳng giác. Người tu Phật mà tâm được Thanh tịnh Bình đẳng thì liền sanh được giác tức được chứng đắc".

Thương thay con bỏ chết mà cứ ngỡ mình là sư tử. Trong Phật pháp, giác và chứng là hai việc khác nhau. Giác mới đạt tới lý. Còn chứng lại thuộc về sự. Giác là hiểu rõ chứng là đạt tới. Không thể gọi cái này là cái kia. Thành tựu của một phần nào đó cũng phải cần lý sự viên dung. Còn chuyện chọn kinh này, thì không phải như ông ta nói, mà chỉ vì kinh này do cư sĩ Hạ Liên cư hội tập, và Tâm minh cư sĩ dịch. Trong sách đó lại kèm theo Tây phương xác chỉ cũng do cư sĩ Thường nhiếp kết tập, Như Hoà cư sĩ chuyển ngữ. Các chỗ khác cũng nhắc đến các cư sĩ Vương nhật Hựu, cư sĩ Nghiêm Xuân Hồng, cư sĩ Thanh Trí... lại nói HT Tịnh Không là học trò cư sĩ Lý Bình Nam...

Tại sao người viết chỉ nhắc đến cư sĩ thôi? Điều ấy rất dễ hiểu. Trong toàn bộ sách, giấy truyền đơn mà nhóm này viết chỉ nhằm một mục đích: Nâng cao vai trò cư sĩ và hạ nhục Tăng già. Để làm gì? Để những tay nô bộc và viện nghiên cứu Phật học CSVN thay thế Tăng già, tha hồ mà lừa gạt, lừa bịp, lừa dối Phật pháp, hòng tiêu diệt Phật giáo. Còn tại sao đặt kinh kiến chính lên đầu sách, ông ta sợ người cúng tiền bạc bắt bẻ sự lừa gạt này, nên giải thích đủ thứ. Nhưng cố ý làm việc này là vì kinh đó do sư của chùa Quán sứ Hà nội dịch mà thôi. Ngoài bìa thì đề Kinh vô lượng thọ, rồi đến Kinh kiến chính, Tây phương xác chỉ. Nhưng bên trong thì đề Kinh kiến chính. Tây phương xác chỉ, rồi sau hết mới tới Kinh vô lượng thọ. Xem thế đủ biết cái gì trong đầu lão ấy rồi. Còn đối với người cúng dường thì chắc ai cũng tự biết!!

Trong thư ngõ trang 26 dòng 21, Tịnh hải viết: "có nhiều vị phát tâm ấn tống đủ thứ. Chúng tôi khuyên quý vị nên xét lại. Theo HT Tịnh không, chỉ nên ấn tống loại kinh nào liên quan đến việc vãng sanh của chư vị và của tất cả chúng Phật tử. Phí tiền bạc vào các loại khác vừa vô ích mà chẳng có công đức...."(Tôi không biết HT có nói vậy hay không)

Thử hỏi các loại khác là loại gì? Tại sao ấn tống kinh mà gọi là phí tiền vô ích, không có công đức? Vậy Kinh kiến chính liên quan gì đến vãng

sanh ? và sự cổ võ của ông ta cho thầy Thích trí Như để in Đại tạng kinh là ý gì? Trước sau bất nhất, lập luận mập mờ, mưu mô hãm hại Phật giáo. Điều này rõ ràng lắm rồi chứ? (Xin quý vị nào rõ về HT Tịnh Không xin lên tiếng cho biết HT có nói vậy không)

Đọc những câu: "Xuất gia hay tại gia rất khó tu chứng mà người xuất gia lại khó hơn nhiều". (TN/23)

"Đời này sư nào được thanh tịnh". (TN/12/26)

"Kinh Phật đem đốt hết đi" (TN/10/6)

"Biến thành một cái nghề để có tiền...đem lỗi tu mê tín để được tăng thêm sự cúng dường. Vì xuất gia kia chẳng những không siêu thoát, mà còn phải đọa, để trở lại thế gian kéo cây trả nợ cho thí chủ...(TN/16/21)

"Thật đau đớn cho nhiều Phật tử chúng ta, quanh năm đi chùa, đóng góp xây chùa, cúng dường nuôi sư... (TN/18/22)

"Nói ra để giúp sư sửa đổi, đó là giúp sư giải thoát vậy". (TN/19/6)

"Về điều hại, đó là sự cúng dường của chư vị...nhưng vì hiểu sai nên làm hại người xuất gia... (TN/37/23)

"Ai đọa địa ngục? Đó là vị nào cúng dường quá dồi dào (TN/18/24)

Chỉ cần chừng đó câu, mọi người cũng đủ thấy mục tiêu nham hiểm của chúng rồi. Tam đoạn luận của nó là:

- Phật thành đạo giảng pháp
- Pháp nêu rõ chân lý
- Tăng hoằng truyền Phật pháp

Cả 3 thứ ấy là Đạo Phật. Vậy muốn diệt đạo Phật thì

- Tiêu diệt Tăng già
- Bẻ cong Phật pháp
- Đạo Phật diệt vong.

Do vậy chúng cần nói xấu Tăng già cho Phật tử không còn tin tưởng. Không cúng dường Tăng, không xây chùa, không ấn tống kinh như vậy là hết.

Ông ta lại viết: "Đến lúc con viết những dòng chữ này, nếu được tiếp xúc với ai trong một thời gian ngắn, hoặc theo sinh hoạt của vị ấy. Hoặc nghe hoặc thấy bằng giảng của một vị sư, con quả quyết con có thể viết vị ấy Thanh tịnh tới đâu. Nếu được tin vị ấy mất, con có thể biết người chết có được chứng đắc hay siêu thoát hay không, trừ vị tu niệm Phật" (TN/7/24)

Ồi! con bỏ hung tuyên bố mình là Đại bàng!!! Như thế là, sau Thanh Hải vô thượng sư,

đến lượt Tịnh Hải và Diệu Âm. Tất cả là con đẻ của Tập đoàn Vô thần.

Đề thưởng thức cái con người tăng thượng mạn này, quý vị hãy nghe những ngôn ngữ này:

- "Từ ngày con viết lách đến nay, đêm con ngủ chỉ vài tiếng đồng hồ. Đêm đêm thanh vắng để cho việc viết lách. Ngày thì lo chờ sách và đi Bác sĩ. Thân con đủ thứ bệnh hoạn, con thường phải ăn cháo...(TN/13/28)

- Lợi lộc gì cho con? Danh tiếng ư? Được chút ít tư lợi ư? Bộn năm rồi không ai biết Tịnh Hải là ai. Những ai biết con, con đều năn nỉ đừng tiết lộ tên. Vô số Tăng ni tổ chức Phật thất vẫn chưa hề biết mặt con. Nhiều vị muốn khi Phật thất con phải có mặt, nhưng con chưa hề bén mặt tới để được giới thiệu....

- Người ta tu người ta được vắng sanh, còn con thì vất vả ngày đêm, tốn kém điện thoại liên lạc, viết lách... Con chưa hề nhận tiền chùa nào để thanh toán cái chi phí ấy (TN/14/15)

Nhiều người lầm tưởng, nghĩ rằng con làm như vậy sẽ có lợi lạc tâm linh, lầm chung sẽ được vắng sanh. Ai nghĩ vậy đều sai lầm. (TN/15/18)

Thiệt đáng thương, đáng tội nghiệp nhĩ? Mới vừa xưng mình ở ngôi cao vô thượng, phút chốc lại năn nỉ ỷ ôi, còn hơn lũ ăn xin!!! "Ai nghĩ vậy đều lầm". Đúng, người lầm chắc quá nhiều rồi. Ông đâu phải là người niệm Phật, đâu phải Phật tử, mà chỉ là bầy tôi hạ đẳng của lũ vô thần thì làm sao vắng sanh. Còn lợi lộc thì không phải là một chút, mà là một đồng. Còn việc lấy tiền chùa nào để chi phí cho truyền đơn ấy ư? Chỉ có những chùa nào mà đã cài đặt được "Cán bộ tôn giáo" rồi thì mới có thể lấy thôi chứ! Danh tiếng ư? Không phải là danh tiếng, mà là sự ô nhục muôn đời cho giòng họ, cho gia đình, cho con cháu về sau. Hãy tự giác ngộ, nếu không thì buả rùi sấm sét sẽ hiện tiền.

Trong đoạn sau, được gọi là tâm thư, viết: "Chúng tôi tìm thấy từ xưa đến nay, chúng ta chỉ sống với hình thức bên ngoài mà thiếu nội tâm. Do đó, chúng ta chỉ được phần "dương đức", mà thiếu phần "âm đức"...Không hề ghi danh người gởi, chúng tôi tìm hiểu ra, tinh thần cúng dường này đúng nghĩa ba la mật..."

Đến đây thì hẳn đã lộ toàn bộ cái mặt đều cáng, gian xảo, quỷ quyệt rồi. Cái gì là dương đức? Đó trời đất nào biết được. Không ghi tên là ba la mật, một định nghĩa nghe thật ngộ nghĩnh, mới mẽ, hấp dẫn làm sao! Không biết các vị cúng dường cho ông này, đến đây đã rõ ràng mình góp tiền mua kiếm cho giặc chém cha mình hay chưa?

Để trình bày mục đích của chúng, nơi Trang 43, Tịnh hải lại viết: "Xin tất cả chư Tăng ni chưa tổ chức Phật thất, hãy bỏ lối tu xưa cũ, chẳng cứu độ được ai hết, mà còn hại mình".

Gì là "lối tu xưa cũ"? Xưa cũ là một cách nói thay cho chữ truyền thống. "Hãy bỏ lối tu xưa cũ" nghĩa là hãy dẹp bỏ truyền thống Phật giáo suốt hơn 2000 năm lịch sử. Quả thật táo bạo và trắng trợn! Mà lật đổ truyền thống nghĩa là tiêu diệt giáo hội truyền thống, tức giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất. Một âm mưu to lớn đang thách đố PGVN, thách đố tinh thần của đồng bào và Phật tử.

Đây không phải là một cá nhân nông cuồng, mà là một tổ chức của khối tôn giáo vận của CSVN.

Trong phần tái bút, trang 46, lại viết: "Nhu sau vụ 11-9-01 tại New York, có một nhà sư VN, gặp gió khổ của chúng sinh, tâm liền động, bèn ra tuyệt thực, vậy làm sao chứng đắc?"

Bồ tát không động, khi tám ngọn gió khổ thổi vào thân tâm mình (lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc). Nhưng thấy chúng sanh khổ mà không động lòng, không cứu giúp thì đâu còn là bồ tát. Ở đây, người viết mượn cớ để nói về GHPGVNTN, chứ không phải nói vị sư kia. Nên nhớ rằng, hạnh nguyện của Bồ tát là độ sinh. Khi chúng sinh khổ đau kêu cứu, thì các ngài sẵn sàng hi sinh tất cả để cứu họ. Bồ tát an nhiên đi vào địa ngục chứ không chịu nhập vào niết bàn tịch diệt. Nếu thế, đức Quán thế Âm đâu cần phát 12 đại nguyện, ngài Phổ hiền đâu có 10 nguyện vương. Ngài Địa tạng đâu cần nói: "còn một chúng sinh trong địa ngục, thì tôi chưa thành Phật". Thì Đức bốn Sư và chư Phật đâu cần phải xả bỏ, đầu, mắt, tay, chân, thân mạng trong vô số kiếp để cầu chánh đạo.

Một điều đáng lưu ý nữa là trong những truyền đơn ông ta cũng như Diệu Âm đều nói đến đừng chấp trước, phân biệt. Nếu nói về Tịnh Độ tông, thì ít dùng chữ này, phần lớn nằm trong Tông phái khác, vậy sao họ nhắc liên tục. Cái không chấp trước và đừng phân biệt ở đây không có nghĩa Phật pháp, mà nó mang tính tuyên truyền:

- Đừng chấp sự Quốc doanh với các sư của GHPGVNTN

- Đừng phân biệt Cộng sản với Tự do

- Đừng chấp đúng hay sai

- Đừng chấp Tăng hay tục

- Đừng phân biệt ma với Phật

Tóm lại người tự xưng là cư sĩ Tịnh Hải không phải là một Phật tử, thì sao lại tuyên dương

Phật pháp? Cho dù không phải Phật tử đi nữa, mà nếu có lòng xiên dương thì cũng không sao. Nhưng thử hỏi những luận điểm trên đây của ông ta, ai dám bảo rằng đó là xiên dương Tịnh độ.

Riêng đối với HT Tịnh không, người được người viết nhắc đi nhắc lại nhiều nhất, thì tôi hoàn toàn không biết ngài, cũng chưa nghe Ngài giảng bao giờ. Tôi không dám có ý kiến gì về Ngài cả, nhưng căn cứ theo người trích dịch, tôi thấy có mấy điều không ổn:

a) "Hiện nay người xuất gia chết rồi được gọi là viên tịch ,cách này không được thỏa đáng lắm. Viên tịch có nghĩa là sống mà chứng đắc. Nếu chết rồi mà viên tịch thì có ai chẳng chết. Vậy thì ngày nào cũng có người nhập niết bàn". (TN/10/11)

Tôi không nghĩ là HT Tịnh Không lại chấp chặt chữ nghĩa mà không biết đến lòng tôn trọng. Mặc dù chữ viên tịch trong nhà Phật có nhiều nghĩa và cách dùng khác nhau. Nhưng lại có một nghĩa là tôn xưng đối với bậc xuất gia khi các Ngài xả báo thân Không phải là ngày nay mới dùng, mà đã có từ lâu. Cả Phật học từ điển và Hán Việt từ điển đều có ghi rõ. Điều này làm tôi nhớ lại trong phim tàu do người Việt chuyển âm lại dịch chữ ngộ, nị thành mày, tao, ta, ngươi; mặc dù lúc đó đang xưng hô giữa cha và con, ông với cháu. Ôi! còn gì văn hóa Việt Nam!

b) "Người niệm Phật là Tín, Nguyện, Trì danh, Khi sanh đến Cực lạc thì một đời viên mãn, chứng đắc đại Niết bàn". (TN/10/11)

Tây phương Cực lạc có chín phẩm là vì mức độ tu tập khác nhau. Thánh là thánh, phàm là phàm, mặc dù có Phàm thánh đồng cư. Trong Kinh Niệm Phật Ba la mật, chính đức Phật dạy: "Lại nữa, Diệu Nguyệt, nếu có chúng sanh nào chí thành xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thì uy lực bất khả tư nghĩ của danh hiệu khiến cho Tâm thể thanh tịnh mà chúng sinh ấy không hề hay biết, tự nhiên chứng nhập sơ phần pháp thân, âm thầm ứng hợp với Bí Trí Trang nghiêm của Phật, nhưng chưa thể đắc Tam Minh, lục thông, vô lượng đà ra nì, vô lượng tam muội, nhân đến chưa thể đắc Nhất thiết chủng trí, chẳng thể đồng đẳng với chư Phật được, mà chỉ thành tựu bước đầu tiên trên lộ trình như thật đạo."

Nói vãng sanh Cực lạc được Bất thoái chuyển, nhưng phàm phu chúng sanh chỉ được Cảnh bất thoái chuyển ,nghĩa không còn đọa vào lục đạo nữa. Còn Vị bất thoái chuyển là của hàng Bồ tát. Ngài là một vị Pháp sư, không lẽ ngài không rõ điều này? Trong các kinh cũng nói rõ là ai được Phật A Di Đà đích thân đón, ai được thấy hoá thân,

ai được thấy Bồ tát, ai được thấy Hóa Bồ tát. Tất cả tùy thuộc vào việc phát khởi 10 tâm (đã ghi ở trước) và tất cả công đức mà hành giả đã có. Tôi không dám tranh luận với Hoà thượng. Ở đây, tôi muốn vạch mặt kẻ lợi dụng Phật pháp mà thôi. Ông này đã từng nói là ông chọn Kinh vô lượng thọ hội tập là vì 5 chữ Thanh Tịnh Bình đẳng giác và sau đó nó lại nói rằng "không chạm đến người Xuất-gia là không Bình Đẳng, là rơi vào nhị tâm "(Đoạn trước). Như vậy ông ta đã đem chữ Bình Đẳng giác, để xem mọi người như nhau. Không Phật, không Bồ tát, không cha , không con, không thầy không trò...

c) "Cả một nước Tàu rộng lớn chỉ có 8 vị sư đi giảng pháp" (TN/19/26) Tôi không dám nghĩ là HT nói như thế. Bởi vì nói vậy là ngā mạn, là vọng ngữ. Mặc dầu trên thực tế có nhiều vị lo chùa lo cúng... nhưng không phải là một tỷ lệ quá chênh lệch như thế chứ? Và lại, tôi nghĩ khi làm các việc trên, không phải bất cứ ai cũng không giảng pháp. Các vị ấy có thể tùy duyên ,tùy cơ mà nói pháp dù chỉ một hai câu. Giảng Phật pháp không nhất thiết là lên bục cao, giảng đường rộng trường đại học hay pháp hội lớn, mà có thể giảng bất cứ ở nơi nào cần đến. Nói như vậy không phải tôi biện minh hay ủng hộ các vị chỉ biết lo chuyện cúng cúng ăn ăn!

d) "Xa lìa tất cả vọng tưởng chấp trước thì công đức hiện tiền" (TN/31/10)

Theo ngu ý, tu tập trong đạo Phật gồm có hai phần chỉ và trì. Xa lìa vọng tưởng chấp trước chỉ mới làm cho nó ngưng (chỉ). Thí dụ, giữ 5 giới cấm thì chưa phải có công đức lớn, mà phải làm 10 điều thiện thì công đức mới hiện tiền

Phật dạy: "Chư ác mạc tác (chỉ), Chúng thiện thun hành(tác) tự tịnh kỳ ý(tác) thị chư Phật pháp". Như vậy rõ ràng, Phật dạy từng bước một: Bỏ ác, làm lành, tu Định, Tuệ. Thiếu 1 trong 3 thì chưa thể gọi là công đức hiện tiền. Không lẽ chỉ xa lìa vọng tưởng, chấp trước, phân biệt thôi sao, vì chỉ làm được chừng đó thôi, thì chúng sanh chỉ mới hoá thành đá cuội. Vậy thì Phật dạy 37 phẩm trợ đạo, lục độ vạn hạnh để làm gì?

- Một điểm nữa, mà tôi nghĩ là quan trọng trong cái âm mưu của nham hiểm này. Đó là sự rêu rao các vị phải tu hạnh Phổ hiền. Nhưng người viết chỉ nhìn hạnh phổ hiền ở chỗ moi tiền Phật tử mà thôi ! Ông ấy viết: "trong Hạnh phổ hiền nói: Cung kính cúng dường chúng sinh là cúng dường Phật. Từ lâu chúng ta chỉ được dạy cúng dường Phật, cúng dường chư Tăng. Muốn vãng sanh Cực

lạc mà không cúng dường chúng sanh, kể như khó được vãng sanh." (TN/36/21)

Bắt lấy một câu trong Phổ hiền Hạnh nguyện phẩm của kinh Hoa Nghiêm mà lừa đảo. Chúng ta phải rõ thế nào là cúng dường chúng sanh. Kinh viết: "Trong các loài ấy, nếu là kẻ có bệnh, thì tôi vì họ mà làm lương y. Nếu ai lạc đường thì tôi chỉ cho họ con đường chính. Nơi đêm tối, tôi vì họ mà làm đuốc sáng. Người nghèo thiếu, tôi làm cho họ được của báu. Bỏ tất bịnh đặng làm lợi ích cho chúng sanh như vậy. Vì sao thế? Vì bỏ tất có thể tùy thuận chúng sanh thì chính là tùy thuận cúng dường chư Phật"

Như vậy, cúng dường chúng sinh là thực hành lục độ vạn hạnh, là 37 phẩm trợ đạo. Chứ không phải như ý đồ của ông ấy. Trong suốt mấy trang lý luận quanh co, lòng vòng chỉ nhằm một mục đích là dùng cúng xây chùa, dùng cúng ấn tống kinh sách, dùng cúng dường Tăng mà dọa địa ngục.... (đã nói trước)

Mười hạnh nguyện của ngài Phổ hiền là đem hết tâm thành mà:

1. Lễ kính chư Phật
2. Ca ngợi công đức chư Phật
3. Nguyện cúng dường chư Phật 10 phương

3 đời

kiếp

sanh

4. Sám hối tất cả nghiệp chướng từ vô thi kiếp
5. Tùy hỷ với tất cả công đức của chúng sanh
6. Thịnh Phật chuyển Pháp luân
7. Thịnh Phật ở lại với đời để độ sanh
8. Học tất cả tạng Pháp của chư Phật
9. Tùy căn cơ chúng sanh mà độ
10. Hồi hướng tất cả công đức về vô thượng

Đẳng chánh giác

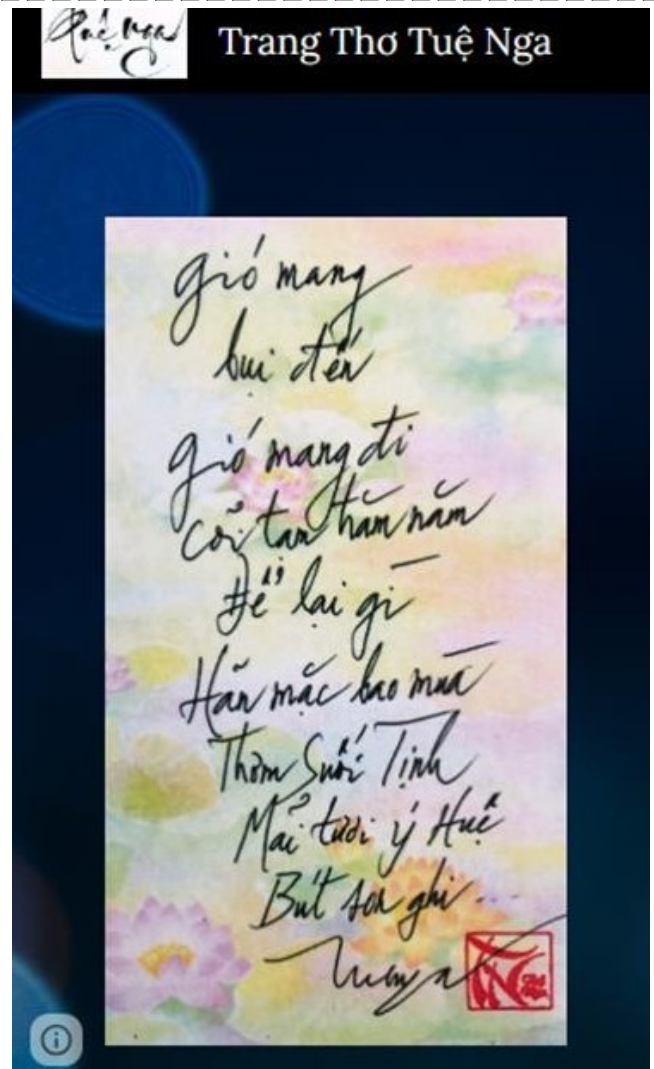
Như vậy, muốn tu hạnh Phổ hiền thì phải vận hết Bi trí mà cầu đạo cả, mà cứu chúng sinh. Chứ không phải sống uơ hèn bạc nhược. Nếu còn một chúng sinh khổ đau là Bỏ tất còn đau khổ. Trong Kinh Duy ma cật, Bồ tát nói: "Bệnh của ta là bệnh của chúng sinh". Thế đủ biết lòng từ bi ấy cao cả chừng nào. Đức Địa tạng cũng thề rằng: "Nếu địa ngục chưa hết, tôi quyết không thành Phật"

Ở đây thì lại khác, khi dân tộc khổ đau, nhân dân sống nhục, đạo pháp suy vi, thì mắc vào âm mưu của giặc mà rủ nhau vào Phật thất, tạo nên phong trào. Tu hành là chuyện tối quan trọng, không phải là một phong trào. Tại sao tu thì phải báo cáo cho Tịnh hải kia ? Ông ta là ai, quan hệ gì?

Đó là một câu hỏi mà mọi người phải biết tự trả lời khi đọc những loại truyền đơn ấy.

"Chớ hô hào thuyết pháp giảng kinh, thực chất là mượn lời Phật để xu nịnh vua quan, cầu xin một chút ân huệ của thế tục, mua danh bán tước... Nhấn nhai đời, nhưng không phải để cho quyền lực đen tối của đời sai sử. Tùy thuận thế gian, nhưng không tự đánh chìm trong dòng xoáy ô trọc của thế gian (TT Tuệ Sỹ - tâm thư gửi Tăng Sinh Huế 28-10-2003

(Còn tiếp)



TRAU DỒI HÀNH XÁ

Tác giả: Đức Đạt Lai Lạt Ma Chuyển ngữ: Tuệ Uyển - 01/07/2011

Thời gian không bao giờ chờ đợi hay duy trì tĩnh lặng; nó luôn luôn di động. Khi tôi nhìn lại hai thập niên qua như một thầy tu Đạo Phật và như một hành giả, tôi cảm thấy rằng tôi đã có rất ít sự phát triển tâm linh. Tuy thế, trên một sự quan tâm cẩn thận hơn, tôi nhận ra rằng qua một sự điều tiết liên tục với lòng vị tha, với sự hỗ trợ của tuệ trí, và với một sự thiền tập phân tích trên tính không, đã có, một cách tương đối, một sự thay đổi và cải thiện nào đấy. Ngay cả một sự phát triển tâm vô cùng ít ỏi cũng là tiến triển, và tôi nghĩ đây là một lợi ích vô vàn trong sự minh chứng của tâm linh hòa bình. Điều này hóa ra có một tác động tích cực trên sức khỏe. Do thế, bất cứ một khối lượng nào của sự phát triển tinh thần cũng hữu ích.

Một Pháp Hội không đơn thuần là một buổi tập hợp xã hội. Nó là một sự nhắc nhở chúng ta rằng trong đời sống con người, tâm linh là quan trọng; nó có ý nghĩa quan trọng. Chữ Dharma hay pháp, là Phạm ngữ, có ý nghĩa bao quát. Trong trường hợp của Pháp Hội - Dharma Celebration, Pháp có nghĩa là Phật Pháp. Đặc trưng cốt yếu của Phật Pháp là để khuếch trương tới đa tính hữu dụng của trí thông minh con người để chuyển hóa những cảm xúc của chúng ta. Đây là một việc kỳ đặc của Phật Pháp.

Tất cả những tôn giáo quan trọng đều hướng đến chuyển hóa cảm xúc khi chúng là những nhân tố thiết yếu trong đời sống của chúng ta. Những trải nghiệm tiêu cực và đau khổ tác động những cảm xúc của chúng ta. Chuyển hóa có nghĩa là bảo tồn hay trong

một số trường hợp, tăng cường sức mạnh những cảm xúc tích cực và giảm thiểu những thứ tiêu cực. Như tôi nói lúc trước, tôi nghĩ tất cả những tôn giáo quan trọng biểu lộ sự quan tâm đến sự chuyển hóa những cảm xúc. Nhưng phương pháp của chúng để thực hiện việc này không giống nhau. Trong nhiều truyền thống, sự chuyển hóa những cảm xúc xảy ra chính yếu qua niềm tin, là điều mạnh mẽ và trọng yếu.

Một niềm tin mạnh mẽ trong Thượng Đế hay Allah - Hồi Giáo, trong Thần Krishna hay Shiva - Ấn Giáo, hay trong chúa Giê-su - Ki Tô Giáo có thể ảnh hưởng một cách chắc chắn trong những cảm xúc của con người. Chung quy, thông điệp của những thầy lớn căn bản là giống nhau: từ bi, bác ái, tha thứ, bao dung, nguyên tắc và toại nguyện. Đây là những căn bản của các tôn giáo này. Nhưng trong truyền thống Phật Giáo, chúng ta không chỉ có tin tưởng hay kỳ vọng trong Đức Phật, mà chúng ta cũng khảo sát Đức Phật. Chúng ta làm điều này như thế nào? Đức Thế Tôn, Đức Phật lịch sử, đã không còn nữa. Phương cách duy nhất để tìm ra là thăm tra những giáo huấn của Ngài và khảo sát những môn đồ nhiệt tình của Ngài. Nếu chúng ta thăm nghiệm xuyên suốt thái độ và suy nghĩ của họ, chúng ta cuối cùng có thể biết loại ảnh hưởng nào mà những giáo huấn của Đức Phật có. Cũng thế, qua học hỏi giáo huấn và cố gắng để tích cực hiện thực trong trải nghiệm của chúng ta, chúng ta chung cuộc có thể phát triển một loại tin tưởng ôn cố nào đấy. Sự tin tưởng ấy không chỉ đến từ niềm tin mà qua sự khảo sát của chúng ta trong khi sử dụng sự thông

tuệ của chúng ta.

Tuệ trí không chỉ là tri thức; nó là kiến thức đầu tiên qua nghe (văn), thứ hai qua phân tích ý nghĩa qua lý trí (tư), và rồi nối kết nó vào kinh nghiệm của chúng ta (tu). Cuối cùng, đến niềm tin vững chắc của chúng ta. Lòng vị tha được tìm thấy trong mọi truyền thống, nhưng sự phối hợp của lòng vị tha với tuệ trí hay thông minh là đặc thù của Phật Pháp. Khi tôi nói đặc thù, tôi không muốn nói Phật Pháp là tốt nhất. Câu hỏi pháp nào là tốt nhất thì khó khăn để trả lời. Nó giống như thực phẩm. Chúng ta không thể nói một loại thực phẩm đặc biệt nào là ngon nhất. Thức ăn liên hệ đến những hương vị vật chất khác nhau và đến khẩu vị của những cá nhân khác nhau của người thưởng thức nó. Đối với một số người, Ấn Độ khẩu vị là nóng và cực kỳ cay. Đối với những người khác, chúng là ngọt ngào. Phán xét những gì tuyệt hảo được thực hiện tùy thuộc đến một số trường hợp đặc biệt. Tương tự thế, tôi nghĩ, công nhận tôn giáo nào là tốt nhất phải được căn cứ trên những lợi ích đạt được bởi mỗi cá nhân hành giả.

Cho nên, khi khía cạnh tôn giáo được quan tâm đúng mức, tôi tin rằng tất cả mọi truyền thống không nhiều thì ít giống nhau. Tất cả đều lo lắng đến niềm hạnh phúc và điều tốt đẹp của con người. Tất cả mọi giáo huấn tôn giáo cố gắng để thúc đẩy hay tăng cường những giá trị tích cực của nhân loại. Khía cạnh ấy căn bản giống nhau trong mọi truyền thống. Tuy nhiên, khía cạnh triết lý là một phần năng động khác của các tôn giáo. Ở đây chúng ta thấy rằng có một sự khác biệt lớn lao. Phật Pháp, đặc biệt là truyền thống Na Lan Đà là rất phức tạp và vi tế. Tôi nghĩ, nền tảng triết lý trong sự lưu tâm đúng mức, là rất phong phú. Trong Phật Pháp, truyền thống Pali và Phạn ngữ một cách triết

lý là phức tạp nhất.

Tôi cảm thấy phương cách tốt nhất để giới thiệu Phật Pháp Tây Tạng là qua truyền thống Na Lan Đà, bởi vì mọi kinh luận quan trọng đều được biết. Thí dụ, vào lúc sáu hay bảy tuổi tôi đã bắt đầu - hầu như miễn cưỡng - để học hỏi những kinh luận này bằng trái tim. Khi chúng tôi học hỏi tất cả những kinh luận được viết bởi những đạo sư của Na Lan Đà như Long Thọ, Vô Trước, Nguyệt Xứng, v.v..., trong sự trọn vẹn của chúng, như một sự trải rộng của Phật Pháp, chúng tôi có thể thấy rằng truyền thống Na Lan Đà đã cống hiến một cách to lớn đến khía cạnh triết lý của Phật Pháp. Bộ phận nghi thức, phần mà người Tây Tạng sử dụng chập chỏa và thổi những chiếc kèn to tướng không phải từ Na Lan Đà. Một số lễ lạc này, những pháp khí nghi lễ, tôi nghĩ đến từ A Phú Hãn hay Trung Hoa.

Tôi trở lại vấn đề -- chúng ta có thể phát triển lòng tin qua việc sử dụng trí thông minh của con người một cách tối đa như có thể và qua lòng từ bi của chúng ta. Lòng tin chắc đem đến nhiệt tình mà lòng nhiệt tình đem đến sự hoạt động cần mẫn. Chúng ta trở nên quen thuộc với những việc thực hành đạo đức, và điều này có một tác động lớn lao trong thế giới cảm xúc của chúng ta. Đây là cung cách của Đạo Phật. Khi người ta hỏi những câu hỏi về các phương pháp dễ dàng nhất hay cách tốt nhất, tôi phải khó khăn để trả lời cho họ. Tôi nghĩ người ta thường hỏi những câu về cung cách đơn giản nhất hay dễ dàng nhất vì lười biếng hay thiếu can đảm. Những câu hỏi như vậy thì được, thí dụ, quý vị nấu nướng. Quý vị có thể hỏi về phương pháp dễ nhất hay có thể là cách rẻ tiền nhất. Nhưng cho đến khi mà việc chuyển hóa những cảm xúc của chúng ta được quan tâm, những câu hỏi này là không

thích đáng. Hãy nhìn vào Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni, vị thầy của chúng ta. Thuật lại một cách rõ ràng rằng Ngài đã trải qua ba vô số kiếp thực hành để đạt đến thể trạng giác ngộ. Và những vị đạo sư Na Lan Đà --- những thành tựu giả như Tilopa và Naropa, và những đạo sư Tây Tạng như Milarepa và Tông Khách Ba -- đã dành nhiều năm trong những nơi hẻo lánh chịu đựng vô số gian khổ nhằm để chuyển hóa những cảm xúc của họ.

Những cảm xúc của con người mà chúng ta trải nghiệm ngày nay và muốn để chuyển hóa cũng giống với những thứ đã hiện hữu khoảng hai hay ba nghìn năm về trước. Nếu chúng ta so sánh những cảm xúc con người đã tồn tại hàng trăm nghìn năm về trước hay một triệu năm về trước với những con người hiện tại, chúng ta sẽ thấy một số khác biệt nào đấy trong họ do bởi sự gia tăng trí thông minh của con người. Trong tương lai, nếu chúng ta tồn tại vài trăm nghìn năm nữa, có lẽ cảm xúc của con người sẽ khác biệt. Chúng ta có thể thay đổi thể trạng tâm thức hay cảm xúc của chúng ta nếu chúng ta sử dụng trí thông minh của chúng ta và được hướng dẫn bởi những người như Long Thọ và Tịch Thiên. Nếu chúng ta khuếch trương một tâm vị tha là mục tiêu của chúng ta, tôi nghĩ rằng quyền sách của Tịch Thiên là tuyệt nhất. Cho sự thấu hiểu thực tại rất rõ, Trung Luận Bản Tụng của Long Thọ là trong số nhất hạng, cũng là Nhập Trung Luận của Nguyệt Xứng.

Nói một cách tổng quát, trong thế giới ngày nay, việc chấp nhận lẫn nhau đang cải thiện. Như một người tin tưởng trong những giá trị của tôn giáo và tâm linh, tôi nghĩ hòa hiệp và thống nhất là thiết yếu. Những giá trị này sẽ hiện hữu nếu chúng ta tôn trọng lẫn nhau. Sự tôn trọng chân thành sẽ hiện diện nếu

chúng ta tiếp xúc với nhau và đi đến thấu hiểu những giá trị của nhau nhiều hơn. Chúng ta phải khuếch trương lòng ngưỡng mộ và hiểu rõ giá trị lẫn nhau. Tất cả mọi truyền thống tôn giáo, qua một thời gian của nhiều thế kỷ, đã làm nên những sự cống hiến để phát triển những giá trị của con người và hòa bình của tâm thức. Tất cả mọi truyền thống tôn giáo đã ban cho niềm hy vọng và trao truyền cảm hứng đến hàng triệu người, và điều ấy quá đầy đủ để được lòng ngưỡng mộ của chúng ta.

Tuy nhiên, như tôi đã đề cập phía trước, chúng ta vẫn đang trải nghiệm những rắc rối trong những con người thuộc những tôn giáo khác nhau. Những sự kiện như vậy cho thấy rằng chúng ta cần một nỗ lực bền bỉ để đối diện những thử thách mới. Chúng ta không thể quy lỗi một cá nhân cho những gì xảy ra trong thế giới chúng ta. Tôi nghĩ chúng ta nên quy trách nhiệm cho toàn thể xã hội. Xã hội sản sinh ra những linh tụ và những nhà chính trị của chúng ta, và nếu chúng ta cố gắng để phát triển một xã hội từ bi hơn và thương mến hơn, chúng ta sẽ có những con người với bản chất tự nhiên hòa bình hơn. Những linh tụ, những nhà chính trị, và những thương gia đến từ một xã hội như vậy sẽ cống hiến hy vọng cho một thế giới tốt đẹp hơn. Trách nhiệm lâu dài của chúng ta -- trách nhiệm của mỗi người, cho dù họ là những người tín ngưỡng hay không tín ngưỡng - là để tìm ra những phương cách để thúc đẩy một xã hội hòa bình và từ bi.

Tôi nghĩ một cung cách khá giản dị. Mỗi cá nhân phải cố gắng để bảo đảm hòa bình và từ bi yêu thương trong gia đình họ. Nối kết mười gia đình hòa bình từ bi với nhau, hay một trăm, và đây là một cộng đồng. Trẻ con trong một xã hội như thế sẽ tiếp nhận ảnh hưởng trong gia đình của chúng và trong

trường học của chúng từ những nhà giáo dục quan tâm. Chúng ta có thể có một hay hai sự thất bại, nhưng một cách tổng quát tôi nghĩ chúng ta có thể phát triển một xã hội có ý thức. Có ý thức ở đây có nghĩa là một ý thức cộng đồng, một cảm nhận trách nhiệm, và một ý nghĩa của chí nguyện cống hiến.

Bây giờ, về hành xả[1]. Những gì khuấy nhiễu tâm thức chúng ta, một cách chính yếu là những cảm xúc phiền não như thù hận và dính mắc. Và một trong những đối trị có thể làm nhẹ bớt và giảm thiểu những cảm xúc như thế là thực tập hành xả. Ở đây, chúng ta không nói về hành xả với sự không hiện diện của cảm giác hay với sự dửng dưng vô cảm. Chúng tôi muốn nói tính nhạy cảm đến những kinh nghiệm của sự tích cực và tiêu cực và có thể phân biệt giữa đúng và sai. Người ta có thể tiếp nhận một lối sống mà trong ấy người ta yêu mến những giá trị tích cực và cố gắng để xa lánh những thứ tiêu cực. Chúng tôi nói về hành xả trong ý thức của việc làm nhẹ bớt dính mắc và thù hận.

Tôi cảm thấy rằng hành xả có thể được thực hành cả bởi những người nào đầy với một quan điểm tôn giáo và bởi ai đầy không tham gia bất cứ một truyền thống tôn giáo nào. Cũng giống với sự trau dồi những phẩm chất tích cực như từ ái và bi mẫn: chúng có thể căn cứ trên lý trí và sự thông hiểu từ một truyền thống tôn giáo đặc thù, hay có thể được phát triển mà không có bất cứ một căn bản tôn giáo nào. Một cá nhân hành giả có thể phát triển từ ái và bi mẫn bằng việc suy nghĩ rằng qua những sự thực tập như thế, người ấy sẽ đạt đến giác ngộ bởi vì Đức Phật đã dạy con đường này. Nói cách khác, một người có thể phát triển những phẩm chất như thế nghĩ rằng sự phát triển từ ái và bi mẫn sẽ mang đến một tinh thần an lạc, thân thể khỏe mạnh, hay hòa hiệp và an bình trong gia

đình người ấy. Loại lý trí này không căn cứ trên bất cứ truyền thống tôn giáo nào cả.

Trong việc phát triển hành xả, chúng ta cần thấu hiểu rằng những cảm xúc tiêu cực như thù hận và dính mắc là không thích đáng và không lành mạnh bởi vì chúng là thành kiến và cục bộ. Khi tâm thức chúng ta cục bộ, chúng ta sẽ không thể nhìn thấy thực tại và sẽ không khách quan. Với loại thấu hiểu này, chúng ta có thể tăng cường hành xả. Nhiều rắc rối mà chúng ta chạm trán và nhiều khó khăn chúng ta đối diện là bởi vì chúng ta không thể thấy thực tại một cách rõ ràng. Thái độ thành kiến tinh thần hay cục bộ là một trở lực và chướng ngại lớn để nhận thức thấu đáo thực tại. Thí dụ, thực tại rằng mọi vật phụ thuộc những nguyên nhân và yếu tố khác nhau: mọi thứ là nối kết với nhau, phụ thuộc với nhau và liên hệ với nhau. Khi chúng ta có thể thấy thực tại này, sau đó những rắc rối sinh khởi bởi vì chúng có khuynh hướng chỉ lấy ra một nhân tố - cho dù nó là kinh nghiệm hạnh phúc hay những rắc rối và khó khăn - và cố gắng để sử dụng nó để giải thích một hoàn cảnh phức tạp. Chúng ta có khuynh hướng nêu bật chỉ một trong nhiều nhân tố và tập trung độc nhất trên một nguyên nhân đặc thù hay nhân tố ấy. Do bởi điều này, chúng ta không thể giải quyết nhiều vấn đề đối trước chúng ta. Trong thực tế, thay vì giải quyết những khó khăn, đôi khi chúng ta tạo thêm những thứ rắc rối khác.

Để đối phó với một vấn nạn đặc thù, điều quan trọng là chuẩn bị một cách tinh thần cho chính mình để thấu hiểu thực tại của một hoàn cảnh và để có thể thấy thực tế một cách khách quan. Một trong những nhân tố chính gây trở ngại cho chúng ta trong việc thấy tính khách quan của một hoàn cảnh là tính cục bộ của tâm thức và thể trạng thiên

vị của nó. Chúng ta có thể thấy tại sao thực tập hành xả là rất quan trọng. Cũng thế, cảm nhận phổ thông là cần thiết để xử lý những hoàn cảnh khó khăn. Khi chúng ta đứng trước những hoàn cảnh phức tạp và cố gắng để giải quyết những vấn đề cố hữu trong chúng, điều quan trọng là có một thái độ thánh thiện hơn là một tâm tư hẹp hòi. Một cách đặc biệt trong thế giới ngày nay, một thái độ thánh thiện thật quan trọng. Nếu chúng ta chỉ tập trung trên những sự quan tâm của gia đình chúng ta và quên đi những người khác, hay nếu chúng ta tập trung chỉ chú ý đến quốc gia chúng ta mà xem nhẹ những xứ sở còn lại, thì sẽ không thể đạt được nền hòa bình và hạnh phúc miên viễn. Nếu chúng ta để những cảm xúc phiền não không chế tâm tư chúng ta, tâm thức chúng ta sẽ trở nên thành kiến và cục bộ; nó sẽ khắp khiếm, thiên vị một bên. Rồi thì chúng ta sẽ không thể phát triển một sự tiếp cận thánh thiện.

Đối với những ai chấp nhận những truyền thống tôn giáo, chúng ta thấy rằng họ sẽ rơi vào hai đặc trưng khác nhau. Một tập trung trên niềm tin trong một đẳng tạo hóa; và thứ kia - kể cả Đạo Phật, Kỳ Na Giáo và một phần của truyền thống Số Luận - tập trung trên sự tự sáng tạo. Đối với một số người chấp nhận đẳng tạo hóa, Thượng đế, có một cơ hội rộng rãi để phát triển ý thức hành xả. Khi người ta thấu hiểu mọi thứ được tạo dựng bởi Thượng đế, sau đó người ta thấy tất cả những tạo vật đến từ một cội nguồn căn bản. Để cho việc phát triển tính hành xả, quan điểm này là hữu dụng một cách đặc biệt khi người ta đứng trước một kẻ gọi là tạo nên rắc rối, một kẻ thù. Thông thường, chúng ta mệnh danh cho một người hay một nhóm người như một "kẻ thù" khi, dưới những hoàn cảnh đặc thù, họ tạo nên những vấn nạn cho chúng ta. Nhưng nếu chúng ta

thấy một người từ quan điểm rộng rãi hơn và nhận ra rằng người ấy là một bộ phận của nhân loại và một phần sự tạo dựng của Thượng đế, những cảm nhận tiêu cực của chúng ta sẽ giảm bớt lại. Quan điểm này có thể hữu ích trong việc phát triển hành xả.

Đôi khi những người tôn giáo như chúng ta, kể cả chính tôi, chọn lựa những nhận thức nào phù hợp với chúng ta và quên đi những thứ không tiện lợi. Đối với những ai tin tưởng trong Thượng Đế hay trong một đẳng tạo hóa, tôi yêu cầu họ đặt nhấn mạnh hơn trong sự bình đẳng của tất cả chúng sinh và tập trung hơn trên trái đất này, hành tinh này. Nếu một đẳng tạo hóa đã tạo ra tất cả những chúng sinh trên trái đất này, thì sự phân biệt không có chỗ trú. Sẽ không có những sự khác biệt trên căn bản của màu sắc [của làn da], quá khứ xã hội, hay, một cách đặc thù trên xứ sở [Ấn Độ] này, về [sự phân chia] đẳng cấp.

Theo tư tưởng Ấn Độ cổ xưa, vai trò của nghiệp báo là thiết yếu trong việc thực hành hành xả, và Đạo Phật chia sẻ quan điểm này. Ở chỗ này, hành xả có nghĩa là không tăng cường chấp trước quá vào một thứ, và đồng thời, không khuếch trương sự thù ghét với người khác. Trong tư tưởng Ấn Độ cổ xưa, việc phát triển loại hành xả này căn cứ trên sự thấu hiểu khái niệm nghiệp báo. Khái niệm này hàm ý rằng mọi thứ chúng ta như thể nào hôm nay, những tư tưởng tích cực và tiêu cực mà chúng ta có, và những khía cạnh cùng biểu hiện khác biệt mà chúng ta thực hiện, là một kết quả của những gì chúng ta làm trong quá khứ. Một khi chúng ta phát triển sự thấu hiểu như vậy, chúng ta sẽ quán xuyến một cách dễ dàng hơn những sự chạm trán của chúng ta với người khác - ngay cả những thứ bất toại ý. Chúng ta sẽ nhận ra rằng những gì chúng ta đang chạm trán mà một người đang biểu hiện ngay bây giờ là kết

quả của nghiệp báo của họ. Chúng ta có thể quy lỗi cho nghiệp tiêu cực hơn là đổ lỗi cho cá nhân con người. Trong cách này, chúng ta có thể phát triển hành xả. Cũng thế, niềm tin cổ xưa của Ấn Độ về sự hiện hữu của những đời sống quá khứ và đời sống tương lai hỗ trợ trong việc chạm trán với những người được gọi là kẻ thù trong kiếp này. Thay vì nghĩ rằng một người nào đây đang tạo nên những rắc rối cho chúng ta, chúng ta tập trung trên vấn đề rằng trong quá khứ, người ấy có thể là người bạn thân của chúng ta hay một người thân quyến gần gũi. Thế thì không dễ gán cho người ấy danh hiệu như một kẻ thù.

Trong Phật Pháp, đặc biệt trong truyền thống Đại thừa hay truyền thống Phạn ngữ, tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tính. Do vậy, khi chúng ta đối diện với những rắc rối trong cư xử với người khác, chúng ta hãy nhớ rằng họ cũng là những chúng sinh như chúng ta và có Phật tính. Bản chất căn bản tự nhiên của mọi người là thanh tịnh. Sự tin tưởng này sẽ làm lắng dịu tâm tư chúng ta và sẽ làm giảm thiểu những cảm nhận tiêu cực.

Một phương pháp đầy năng lực khác của việc đạt đến hành xả là tăng cường sự nhận thức rằng chúng ta muốn hạnh phúc - hạnh phúc tối đa, hạnh phúc loại tốt nhất. Chúng ta không muốn khổ đau và không thể chịu đựng ngay cả một rắc rối nhỏ bé nhất hay một nỗi khổ sở nhỏ nhoi nhất. Giống như chúng ta có nguyện ước bẩm sinh về hạnh phúc và khổ đau, mọi người khác cũng thế. Chúng ta phải có thể thấu hiểu rằng nguyện vọng này hiện diện trong mỗi người.

Trong sự thực hành Phật Giáo, khi chúng ta nói về phát triển hành xả, chúng ta liên hệ đến hai trình độ. Trên trình độ thứ nhất,

chúng ta thấu hiểu rằng chúng ta không nên tăng cường một sự vương mắc đặc biệt đến một nhóm người người nào đây và thù hận đối với một nhóm khác. Thay vì thế, chúng ta phát triển một thể trạng tinh thần bình đẳng, vô tư. Một số thí dụ mà tôi đã đưa ra để làm sáng tỏ tiến trình phát triển hành xả trong trình độ này, đây là, đạt đến một vị trí, nơi mà chúng ta không có bất cứ sự vương mắc, chấp thủ đặc biệt nào đến một nhóm và thù ghét một nhóm khác. Những thí dụ này chỉ đến những thứ hiện hữu liên hệ với nhau, đến mỗi người bị ảnh hưởng bởi những cảm xúc phiền não, và đến luật nghiệp báo làm mọi người đau khổ.

Trên trình độ thứ hai của hành xả, chúng ta mong ước làm lợi ích cho mọi người bất chấp những cảm giác xa lạ hay gần gũi. Để củng cố điều này, chúng ta phản chiếu trên sự kiện rằng mọi người, giống như chính chúng ta, muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau. Chúng ta cố gắng để nhớ rằng tất cả chúng ta có cùng bản chất và có cùng những sự thôi thúc và mong ước. Để hỗ trợ và làm lợi ích những chúng sinh khác, chúng ta không tách riêng và cô lập đối với họ. Chúng ta không làm những sự phân biệt trong chúng. Không với cảm giác xa cách và không với cảm nhận gần gũi, chúng ta có thể phát triển một tâm thức năng động, nguyện ước làm lợi ích cho mọi người mà không phân biệt. Chúng ta có thể tăng cường sự thực tập hành xả này bằng việc phản chiếu trên những kết quả phá hoại của thái độ vị kỷ và những kết quả tích cực của lòng vị tha cùng yêu mến lợi ích của những chúng sinh khác. Để làm giảm thiểu thái độ ích kỷ và để phát triển lòng vị tha, chúng ta nên đọc Hướng Dẫn Lối Sống Bồ Tát của Tôn Giả Tịch Thiên. Ở đây, chúng ta có thể thấy vô số thí dụ về việc tại sao những sự thực hành như vậy nên được hoàn thành và chúng có

thể được phát triển như thế nào. Nếu chúng ta học hỏi và quán chiếu trên giáo huấn Hướng Dẫn Lối Sống Bồ Tát và trên những rắc rối và các xung đột trên thế giới hiện nay, chúng ta có thể thấu hiểu một cách dễ dàng những lợi ích của lòng vị tha và tai hại của tính ích kỷ.

Thiền quán về tính không lợi ích cho việc phát triển hành xả. Để thấu hiểu pháp thiền quán này hỗ trợ như thế nào, hãy phản chiếu trên việc những cảm xúc phiền não gây tổn hại cho chúng ta như thế nào. Thí dụ, hãy nghĩ về những kết quả tai hại của sân hận và thù oán. Khi chúng ta khuếch trương sân hận và thù oán, nó không chỉ tàn phá sự an bình tâm thức của người khác, mà nó cũng gây tổn hại không nhỏ cho chúng ta. Thù oán và sân hận thường ở dưới những hình thức khích động và biểu lộ trong những cung cách bạo động. Tuy nhiên, khi chúng ta phản chiếu trên những loại cảm xúc phiền não khác như vương mắc, chấp thủ, chúng dường như tế nhị và xuất hiện đến chúng ta như những người bạn, nhưng chúng cũng rất tàn phá.

Khi chúng ta tăng cường vương mắc, nó có thể liên hệ đến những sở hữu - thí dụ, cái này của tôi hay người này thuộc về tôi - và nó cũng có thể liên hệ đến chính chúng ta, "cái tôi" mà ta nghĩ là ta. Sự vương mắc đến "cái tôi" sinh khởi bởi vì chúng ta nhận thức chúng ta như điều gì đấy cụ thể, chủ quan, và tồn tại trên chính nó. Do bởi sự bám víu hay chấp trước này đến chính mình một cách kiên cố mà một sự vương mắc khác phát triển. Tương tự thế, khi chúng ta biểu hiện ra thù hận, chúng ta có khuynh hướng thấy đối tượng của sự thù ghét như điều gì đấy độc lập và cụ thể. Thí dụ, hãy để chúng tôi nói rằng bạn giận hờn với một ông Gupta nào đấy. Nếu bạn giận dữ với ông Gupta và nghĩ

rằng ông ta ngu si và ngớ ngẩn, ngay tại điểm ấy, bạn đang thấy ông ta là một đối tượng, như độc lập và cụ thể. Nhưng nếu bạn dừng lại và hỏi, "Ông Gupta này ở đâu? Ông ta là ai? Ông Gupta là tâm thức hay thân thể ông ta? Nếu chúng ta thực hiện một tí phân tích, chúng ta sẽ thấy rằng không thể xác định ông ta. Và khi chúng ta không thể nhận ra rằng thứ nào chúng ta nghĩ đã tồn tại một cách cụ thể, sự chấp trước cứng nhắc của chúng ta đã giảm bớt. Tương tự thế, khi chúng ta bị dính mắc quá độ đến một người đặc biệt nào đấy, nếu chúng ta dừng lại và hỏi cũng câu hỏi như thế, chúng ta sẽ thấy rằng chúng ta không thể xác định một con người hiện hữu một cách cụ thể. Mặt khác, điều này làm thư giãn sự chấp trước mạnh mẽ của chúng ta. Việc cũng đúng như thế nếu chúng ta phân tích sự chấp trước mạnh mẽ mà chúng ta có cho chính chúng ta như một "cái tôi" cá nhân.

(Còn tiếp)

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Hoa Vương

Ngày xưa ngày xưa, có vị minh quân cai trị một vương quốc thanh bình trù phú. Mọi việc đều xuôi chèo mát mái, ngoại trừ một điều bất như ý là dù tuổi đã khá cao, nhà vua hiện đức của chúng ta vẫn chưa có được một hoàng nam nối dõi.

Một bữa tốt trời, đức vua cho yết bâng, truyền lệnh với các đồng tử, tuổi từ lên 7 đến 12 vào sân rồng cho ngài tuyển chọn người kế nghiệp. Các thần dân của đức vua

trong lứa tuổi ấn định lần lượt kéo nhau về kinh đăng ký... Bất kể gia tộc, giàu nghèo, sang hèn, mỗi cậu bé đều được nhận một hạt giống tí tẹo. Các thí sinh phải đem hạt giống về, tự tay gieo trồng, chăm bón... Đến bao giờ hạt giống nảy mầm, nứt lộc đâm chồi, ra nụ, kết hoa... thì sẽ mang đến hoàng cung dự thi. Ngày khảo thí được ấn định vào đêm trăng rằm tháng tám. Chậu hoa nào được đức vua và hoàng hậu chấm giải nhất thì người gieo trồng đó được vào cung làm hoàng tử, người sẽ kế vị đức vua lên ngôi cửu ngũ sau này.

Cái ngày chờ đợi đó đã đến. Vườn ngự uyển chật đầy các lăng hoa không chừa vào đâu được... nhưng đức vua và hoàng hậu xem chừng vẫn chưa hài lòng, vừa mắt.

Sau cùng, một chú bé khoảng lên tám, áo quần rách rưới nhưng mặt mũi dễ thương, xin được vào gặp đức vua của chú. Mọi người cười ồ khi thấy chú bé khur khur ôm cái chậu đất nung chứa đầy phân và đất mịn. Vị thần dân tí hon này quỳ trước bệ rồng, nước mắt chảy quanh, sụt sịt nói:

- Muôn tâu! Con đã gắng hết sức mình. Con đã chọn chiếc chậu lành lặn nhất, đặt vào đó thứ đất mịn nhất, trộn vào chậu thứ phân hoai nhất... rồi mới đặt hạt giống của đức vua ban cho con vào đó. Con đã phơi sương, ủ nắng và tưới nước cho nó. Vậy mà, nó không chịu nứt cái mầm nào cả... Nghe đến đây, nhà vua không giấu được nỗi xúc động, Ngài bước xuống ngai, ôm chầm lấy chú bé dân giả, reo lên:

- Ôi, con chính là vị hoàng tử mà ta và toàn thể thần dân chờ mong...

Mọi người đều kinh ngạc lẫn bất bình. Đức

vua vuốt râu, mỉm cười giải thích:

- Tất cả hạt giống trước khi trao cho thí sinh đều đã được hấp chín nên nó chỉ có thể nở một đóa hoa vô hình nhưng trung thực mà thôi!

Đưa tay chỉ chiếc chậu đầy đất bả của chú bé, nhà vua tiếp:

- Đóa hoa ấy đã đâm chồi nảy lộc trong có mỗi một chiếc chậu này mà thôi. Con người đã gieo trồng được loài hoa ấy nhất định sẽ là vị minh quân mà đất nước chúng ta chờ đợi.

Đức vua đã không lầm trong sự lựa chọn ấy.



Rừng Tràm Trà Sư ở Tịnh Biên An Giang

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368